

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA
HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày **26** tháng **12** năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KHÁNH HÒA
(Ký tên, đóng dấu)



Mai Xuân Hưng

Ngày **19** tháng **12** năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN
(Ký tên, đóng dấu)



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Văn Sửu

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích yêu cầu của lập kế hoạch SDD năm 2019	2
2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn	3
3. Những tài liệu, bản đồ	6
4. Các phương pháp thực hiện	6
4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích	7
4.4. Phương pháp minh hoạ trên bản đồ	7
5. Tổ chức thực hiện	7
6. Các sản phẩm của dự án	7

I/ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 8

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên	8
1.1.1. Vị trí địa lý	8
1.1.2. Địa hình	8
1.1.3. Khí hậu	9
1.1.4. Các nguồn tài nguyên	9
1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội	11
1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	11
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	11
1.2.3. Dân số, lao động	14
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	14
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	14
1.3. Hiện trạng sử dụng đất 2018 và biến động sử dụng đất 2018 so với 2017..	16
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	23

II/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN KHÁNH SƠN 24

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018	24
2.2. Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018	32

III/ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN 33

3.1. Khái quát Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Khánh Sơn	34
3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực	34

3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực	36
3.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019	46
3.5. Diện tích thu hồi đất năm 2019	47
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	48
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2019.....	48
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2019	53
IV/ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .	55
4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	55
4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	56

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (*Điều 22*); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013 (*Khoản 3,4 Điều 40*), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9*), Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất huyện Khánh Sơn đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2014. Điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 huyện Khánh Sơn đã cơ bản hoàn thành (đã trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định).

Huyện Khánh Sơn đã triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Khánh Sơn giao Phòng Tài nguyên & Môi trường phối hợp với Phân viện QH & TK Nông nghiệp miền Trung ***Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Khánh Sơn*** trình UBND tỉnh phê duyệt.

1. Mục đích yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019

1.1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018.
- Đề xuất với UBND tỉnh danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2019 theo QHSD đất của huyện Khánh Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt và Điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 đang thực hiện và phù hợp với kế hoạch phát triển KT-XH của Tỉnh và Huyện năm 2019.
- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ

môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Làm căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019... theo quy định của Luật đất đai 2013.

- Giúp cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xác định trên địa huyện năm 2019 sẽ triển khai thực hiện bao nhiêu công trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực đất đai; xác định được tổng diện tích cần phải thu hồi đất, diện tích chuyển mục đích, diện tích cho thuê đất đối với từng công trình, dự án... trên cơ sở đó xây dựng các phương án: hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bố trí tái định cư... và các vấn đề xã hội khác có liên quan.

- Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư, phát triển các khu đô thị mới, các khu du lịch, dịch vụ, thương mại; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 phải xác định rõ nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, công trình phải thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019;

- Các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019 phải phù hợp với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và cấp tỉnh, quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

- Xác định rõ quy mô, diện tích, vị trí, ranh giới của các công trình, dự án thực hiện năm 2019 (*xác định cụ thể trên bản đồ vị trí, diện tích, ranh giới các công trình dự án, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện năm 2019*);

- Các công trình, dự án đưa vào sử dụng trong năm 2019 đều phải có tính khả thi cao (*có chủ trương đầu tư, có kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư đối với các công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách; có đơn xin chuyển mục đích, hoặc nhu cầu xin chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình cá nhân*).

2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Khánh Sơn

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định 45/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg, ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư 76/2014/TT-BTC, ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC, ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất;
- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;
- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về cho ý kiến nguồn vốn cấp tỉnh bổ sung năm 2018 và danh mục dự án mới bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020;
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về sửa, bổ sung Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2018;

- Quyết định số 2904/QĐ-UBND, ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Khánh Sơn;

- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND, ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định 30/2014/QĐ-UBND, ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định giá đất năm 2015 ổn định 5 năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 31A/2014/QĐ-UBND, ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND, ngày 06/5/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND, ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND, ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ các loại vật nuôi, cây trồng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND, ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 3994/QĐ-UBND, ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Sơn đến năm 2025;

- Quyết định số 4098/QĐ-UBND, ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư toàn bộ danh mục dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 4080/QĐ-UBND, ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 2326/QĐ-UBND, ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn;

- Công văn số 4378/UBND-XDND, ngày 06/7/2015 UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

- Công văn số 3091/STNMT-CCQLĐĐ, ngày 18/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện theo Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND, ngày 29/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020;

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 22/9/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn về cho ý kiến bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Những tài liệu, bản đồ

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Khánh Sơn đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Dự thảo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn đã báo cáo thông qua UBND huyện Khánh Sơn.

- Kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của huyện Khánh Sơn.

- Kế hoạch phân bổ nguồn vốn ngân sách năm 2019 của huyện Khánh Sơn.

- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2019 của các ngành và của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Khánh Sơn.

- Báo cáo sơ kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện 6 tháng đầu năm 2018; báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Các phương pháp thực hiện

4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu: gồm các phương pháp sau :

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại các xã và thị trấn Tô Hạp để xác định, khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2019.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án trong kế hoạch năm 2018 chưa thực hiện chuyển sang thực hiện năm 2019; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2019.

4.2. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ: Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor...

4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án QH, KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án QH, KHSD đất để tính tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch sử dụng đất.

4.4. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2019 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất cấp xã trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ /10.000 (*có lồng bản đồ địa chính các vùng đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép*) thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

5. Tổ chức thực hiện

- Chủ quản dự án: UBND huyện Khánh Sơn;
- Chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan tư vấn: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp Miền Trung (*Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*);
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Khánh Hòa.

6. Các sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, kèm theo các bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện, tỷ lệ 1/25.000.

- Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh, bảng biểu và bản đồ KHSD đất đã số hóa.

(Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các sản phẩm mục a,b,c được lưu tại: UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường).

I/ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Khánh Sơn nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Khánh Hoà; cách thành phố Cam Ranh 40 km về phía Tây và cách thành phố Nha Trang 100 km theo đường bộ; huyện Khánh Sơn có tọa độ địa lý như sau:

Từ $108^{\circ} 44' 00''$ đến $109^{\circ} 00' 53''$ kinh độ Đông.

Từ $11^{\circ} 54' 43''$ đến $12^{\circ} 10' 05''$ vĩ độ Bắc.

Có đường ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Khánh Vĩnh.
- + Phía Đông giáp thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm.
- + Phía Tây và phía Nam giáp huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Với vị trí trên, huyện Khánh Sơn nằm tương đối biệt lập và cách xa trung tâm tỉnh Khánh Hoà (*thành phố Nha Trang*); địa hình phức tạp (*đồi núi cao, hiểm trở, độ dốc lớn*). Mọi hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá xã hội của huyện với các huyện khác trong và ngoài tỉnh duy nhất bằng tuyến Tỉnh lộ 9. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất trong giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện với các địa phương khác.

1.1.2. Địa hình

* *Địa hình đồi núi cao*: Diện tích 23.574,76 ha, chiếm 69,56% tổng diện tích toàn huyện; được tạo nên bởi các dãy núi macmaxit tạo thành một vòng bao quanh huyện. Độ cao phổ biến dạng địa hình này từ 1200 – 1500 m, độ dốc phổ biến trên 20° , bị chia cắt mạnh. Địa hình chủ yếu thích hợp cho phát triển lâm nghiệp.

* *Địa hình đồi thoải*: Diện tích có 5.078,04 ha, chiếm 15,0% diện tích tự nhiên của toàn huyện; dạng này có độ cao phổ biến từ 500 – 800m so với mặt nước biển. Phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện chạy dọc hai bên tỉnh lộ 9, có nền địa chất là đá trầm tích phân hoá thành đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs), độ dốc phổ biến từ $8 - 15^{\circ}$; hiện trạng đang được sử dụng vào mục đích nông nghiệp (*trồng cây lâu năm, trồng hoa màu, một số diện tích trồng rừng sản xuất và rừng thông...*)

* *Địa hình bằng phẳng*: Diện tích có 4.619,0 ha chiếm 13,64% diện tích tự nhiên phân bố nhiều ở ven sông Tô Hạp, khu vực trung tâm (*Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, TT Tô Hạp, Sơn Trung, Sơn Lâm*), dạng địa hình này có độ cao trung bình dưới 300m so với mặt nước biển, độ dốc phổ biến từ 0 – 8°. Đất đai của dạng địa hình trên được sử dụng để bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp (*chủ yếu là cây hàng năm*).

* *Sông suối MNCD*: Diện tích 609,07 ha, chiếm 1,80% diện tích tự nhiên.

1.1.3. Khí hậu

* *Nhiệt độ*: Nhiệt độ thường thấp hơn các huyện đồng bằng trong tỉnh từ 3 – 5°C trong cùng khoảng thời gian; nhiệt độ trung bình năm là 26°C, tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 1 (21,9°C), các tháng có nhiệt độ trung bình cao từ tháng 5 đến tháng 8 (26 -28°C). Mức chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm tương đối lớn 8 – 9°C, số giờ nắng trung bình trong ngày 6-7 giờ, tổng tích ôn nhiệt 9500°C.

* *Lượng mưa*: Lượng mưa trung bình năm đạt 2200mm/năm, năm mưa nhiều đạt 2500mm. Mùa mưa thường kéo dài 7 tháng (*từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 12*), tháng có lượng mưa lớn thường tập trung vào tháng 10 và tháng 11; tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 1 và tháng 2. Về các tháng mùa mưa, lượng mưa thường chiếm từ 85 – 90% lượng mưa của cả năm.

* *Độ ẩm không khí*: Độ ẩm trung bình năm là 85 – 89%; độ ẩm trung bình cao nhất trên 90% tập trung vào các tháng mùa mưa; độ ẩm trung bình thấp nhất 75%, tập trung vào tháng 1 và tháng 2; lượng bốc hơi hàng năm đạt 1815mm, tập trung vào các tháng mùa khô.

* *Gió – bão*: Chế độ gió phân theo 2 mùa tương ứng với 2 hướng gió chính là: gió mùa Đông theo hướng Đông Bắc, gió mùa hè theo hướng Đông Nam. Bên cạnh đó còn có gió Tây – Tây Bắc và Tây – Tây Nam.

Tỉnh Khánh Hoà nói chung và huyện Khánh Sơn nói riêng nằm trong vùng ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão.

1.1.4. Các nguồn tài nguyên.

a. Tài nguyên đất

Căn cứ kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất của tỉnh Khánh Hoà tỷ lệ 1/100.000 do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp xây dựng và kết quả điều tra chỉnh lý bản đồ đất huyện Khánh Sơn tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ nông hoá thổ nhưỡng của các xã, thị trấn; trên địa bàn huyện có 3 nhóm đất với 5 đơn vị đất như sau:

* *Nhóm đất phù sa*: Diện tích có 598,4 ha, chiếm 1,77% diện tích tự nhiên toàn huyện (*trong đó đất phù sa được bồi có Pb có 301,98 ha, đất phù sa ngoài suối Py có 296,6 ha*). Loại đất này phân bố chủ yếu dọc 2 bên sông Tô Hạp khu vực trung tâm huyện nên hình thành dải đất dài ven sông Tô Hạp.

* *Nhóm đất đỏ vàng (F)*: Diện tích có 26.655,04 ha, chiếm 78,74% diện tích tự nhiên, bao gồm 2 loại đất chính là đất đỏ vàng trên macma xít (**Fa**) và đất đỏ vàng trên đá phiến sét (**Fs**).

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (**Fs**): Diện tích có 7.239,55 ha, chiếm 21,42% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở địa hình đồi thoải đến núi cao, địa hình bị chia cắt nhẹ bởi các hợp thủy. Loại đất này phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn của huyện (*trừ xã Ba Cùm Nam*); đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, có nhiều đá lẫn.

- Đất vàng đỏ trên đá macma a xít (Fa): Diện tích có 19.415,49 ha, chiếm, 57,29% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã trên địa bàn huyện nhưng tập trung nhiều ở các xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Ba Cùm Nam...

* *Đất mùn đỏ vàng trên núi (Ha)*: Diện tích có 5.991,36 ha, chiếm 17,7% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã của huyện nhưng tập trung nhiều ở xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Ba Cùm Nam. Đây là loại đất phân bố trên núi cao, độ dốc lớn, ít có tác dụng cho sản xuất nông nghiệp, phần lớn diện tích đều là rừng tự nhiên.

* *Sông suối, mặt nước chuyên dùng*: Diện tích có 609,07 ha, chiếm 1,80% diện tích tự nhiên.

b. Tài nguyên nước

* *Nguồn nước mặt*: Nguồn nước mặt của huyện chủ yếu là từ hệ thống sông Tô Hạp. Hiện nay, trên hệ thống sông Tô Hạp và có 01 công trình thủy lợi nhỏ (*đập A Pa II xã Thành Sơn*) tưới cho 17,5 ha lúa và 13 công trình là cầu giao thông; ngoài công trình thủy lợi hiện có trên hệ thống sông Tô Hạp còn có thể xây dựng thêm một số công trình thủy lợi để bổ sung nước cho sinh hoạt và sản xuất như: hồ Sơn Trung, hồ Tà Lương, hồ Cô Lắc, một số các đập bồi ở các nhánh suối tưới cho 1 – 2ha lúa.

* *Nguồn nước ngầm*: Trong quá trình điều tra thực tế và khảo sát thực địa ở một số hộ gia đình ở các khu vực địa hình tương đối bằng đã khai thác nguồn nước ngầm vào sinh hoạt và sản xuất, mực nước ngầm nằm ở độ sâu phổ biến từ 12 – 15 m (*đối với khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng*), ở khu vực có địa hình cao, dốc mực nước ngầm nằm ở sâu hơn từ (25 – 30m), một số khu vực mạch nước nằm dưới tầng đá ngầm. Nhìn chung, nguồn nước ngầm của huyện ít được khai thác vào sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

c. Tài nguyên rừng: Tài nguyên rừng của Huyện khá phong phú về chủng loại gồm có rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng hỗn giao tre nứa, rừng hỗn giao lá rộng – lá kim...với nhiều loại cây gỗ quý có giá trị về mặt kinh tế và bảo tồn nguồn ghen như: thông 3 lá, trắc, dổi, pomu...các loại cây dược liệu; theo số liệu thống kê đến 9 năm 2016, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 21.387,96 ha, chiếm 63,18% diện tích tự nhiên.

e. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu điều tra nghiên cứu và quy hoạch khoáng sản của huyện đến năm 2020 trên địa bàn huyện có các loại khoáng sản sau:

- Đá xây dựng Granít XD: Có mỏ lớn tại xã Sơn Trung với tổng trữ lượng 8.280 triệu m³; Granit xây dựng ở huyện có thành phần khoáng vật chủ yếu là plagioclas, felspat kali, thạch anh, ít biotit, muscovit; ngoài ra còn có hornblend, amphibol, khoáng vật quặng.

- Ryolit, andesit XD: Loại đá phun trào Ryolit, andesit XD gồm 1 mỏ lớn là andesit thị trấn Tô Hạp (*núi Đốc Gạo*) và các xã Sơn Bình, Ba Cùm Nam.

- Cát xây dựng: Cát xây dựng ở Khánh Sơn tập trung trong các thành tạo trầm tích sông, suối hiện đại, chủ yếu phân bố theo hệ thống sông Tô Hạp.

- Đất san lấp công trình: Trữ lượng có khoảng 64 triệu m³; hiện tại đã có 1 mỏ tại xã Sơn Trung đang khai thác.

1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Năm 2016: Tổng giá trị sản xuất các ngành trên địa bàn huyện (theo giá so sánh 2010) đạt 174,58 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nông-lâm nghiệp-thủy sản đạt 137,21 tỷ đồng.

+ Công nghiệp- Xây dựng đạt 35,90 tỷ đồng.

+ Thương mại, dịch vụ đạt 1,47 tỷ đồng.

- Năm 2017: Tổng giá trị sản xuất các ngành trên địa bàn huyện (theo giá so sánh 2010) đạt 184,56 tỷ đồng, tăng 5,71% so với năm 2016. Trong đó:

+ Nông-lâm nghiệp-thủy sản đạt 145,15 tỷ đồng, tăng 5,79% so với năm 2016.

+ Công nghiệp- Xây dựng đạt 38,42 tỷ đồng, tăng 7,01% so với năm 2016.

+ Thương mại, dịch vụ đạt 0,99 tỷ đồng, bằng 67,35% năm 2016.

- Cơ cấu kinh tế theo GTSX năm 2017 của huyện là nông lâm thủy sản giữ vai trò chủ đạo, tiếp đến công nghiệp – xây dựng và Thương mại dịch vụ, trong đó:

+ Nông lâm – thủy sản: 59,4%;

+ Công nghiệp – xây dựng: 24,9%;

+ Thương mại – dịch vụ: 15,7%.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2017 (giá so sánh năm 2010) đạt: 145.150 triệu đồng, tăng 5,79% so cùng kỳ, trong đó GTSX ngành nông nghiệp là: 126.270 triệu đồng, GTSX lâm nghiệp là: 18.070 triệu đồng, GTSX thủy sản: 810 triệu đồng.

a.1. Sản xuất nghiệp

Năm 2017 tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt: 2.228 ha; trong đó, cây lương thực 1.552 ha, cây chất bột 282 ha, cây thực phẩm 87 ha, cây công nghiệp hàng năm 302 ha, cây hàng năm khác 05 ha. So với cùng kỳ năm 2016; tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 11,15%, trong đó cây lương thực giảm 4,67%, cây chất bột giảm 38,96%, cây thực phẩm 15,53%, cây công nghiệp hàng năm giảm 2,89%.

Tổng diện tích cây lâu năm có: 2.785 ha, tăng 18,06% so với năm 2016. Trong đó một số loại cây trồng chủ yếu như: Cà phê 695 ha, hồ tiêu 70 ha, Sầu riêng 590 ha, chuối 910 ha, chôm chôm 120 ha, bưởi 200 ha, mít 70 ha,...

Tổng Sản lượng lương thực đạt: 4.803 tấn, giảm 2,8 % so với cùng kỳ, trong đó: lúa 538 tấn, ngô 4.265 tấn.

Diện tích các loại cây trồng chủ yếu cho sản phẩm: cà phê, năng suất 17,25 tạ/ha, sản lượng 942 tấn; chuối, năng suất 58,24 tạ/ha, sản lượng 4.310 tấn; sầu riêng: năng suất 66,0 ha, sản lượng 2.580 tấn; bưởi, năng suất 18,65 tạ/ha, sản lượng 17 tấn; chôm chôm, năng suất 23,85 tạ/ha, sản lượng 110 tấn và các loại cây ăn quả khác như mít, măng cụt, quýt,...

Tập trung triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho nhân dân, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh Khánh Hòa tổ chức 02 lớp dày nghề trồng cây bưởi và cây sầu riêng cho 60 lao động nông thôn tại xã Sơn Lâm và xã Ba Cạm Bắc, tổ chức 40 lớp tập huấn về cây trồng, vật nuôi với 1.600 lượt người tham gia. Phối hợp với Viện cây ăn quả miền Nam tổ chức 01 lớp hội thảo về cây sầu riêng.

Tiếp tục triển khai Đề án phát triển cây ăn quả (chôm chôm, bưởi da xanh) giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn huyện, theo đó năm 2017 đã triển khai 73,5 ha (chôm chôm 29,8 ha; bưởi da xanh 43,7 ha), năm 2018 đang triển khai thực hiện theo kế hoạch là 80,23 ha (chôm chôm 23,10 ha; bưởi da xanh 57,13 ha)

* *Chăn nuôi*: Những năm qua ngành chăn nuôi đã có bước phát triển khá, tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho nhiều hộ dân. Trong năm 2017 tình hình chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do giá bán bò, lợn xuống thấp. Đồng thời, xảy ra dịch lở mồm long móng trên đàn bò thuộc xã Thành Sơn đã được cơ quan chuyên môn huyện và địa phương khoanh vùng điều trị bệnh cho các hộ chăn nuôi, không bị lây lan trên diện rộng, tổng số có 14 con bị bệnh đã được điều trị và 01 con bê bị chết.

Nhìn chung, công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ được tăng cường, tiếp tục củng cố hoạt động mạng lưới thú y, đặc biệt đối với thú y cơ sở nhằm đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh kịp thời, qua đó góp phần duy trì và thúc đẩy phát triển đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện.

Toàn huyện 178 con trâu, tăng 9,88% so với cùng kỳ; đàn bò 4.814 con, tăng 5,87% so với cùng kỳ; đàn heo 4.763 con, tăng 4,34% so với cùng kỳ và đàn gia cầm: 31.100 con, tăng 0,97% so với cùng kỳ.

a.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích trồng rừng toàn huyện năm 2017 đạt 300 ha, giảm 47,64% so với cùng kỳ, trong đó: Trồng rừng sản xuất theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg do nhà nước đầu tư hỗ trợ là 100 ha, người dân tự trồng rừng được 200 ha. Trong năm đã tổ chức 15 lớp tập huấn phổ biến chính sách, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng cho người dân với 450 lượt người tham gia. Cấp phát giống keo lai giâm hom hỗ trợ cho người dân trồng rừng kịp thời vụ, hiện cây trồng sinh trưởng phát triển tốt.

Sản phẩm lâm nghiệp được khai thác là 12.029 m³, tăng 3,31% so với cùng kỳ (sản phẩm chủ yếu là keo rừng trồng của hộ dân đến tuổi khai thác).

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 63,1%, tăng 1,28 % so với cùng kỳ.

Năm 2017 đã xây dựng và triển khai Đề án khoanh nuôi và phát triển cây Lồ ô, đề án trồng thử nghiệm cây măng le giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý bảo vệ rừng: Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn và các đơn vị chủ rừng Nhà nước lập phương án phòng chống cháy rừng. Trong năm 2017 đã phát hiện và xử lý trên 20 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 50,644 m³ gỗ các loại, 07 Ster củi, 175 cây bắt thập phân, 03 xe ô tô, xử phạt nộp ngân sách 173 triệu đồng.

a.3. Thủy sản: Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi ở các ao nhỏ trong khu dân cư; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 có 10,47 ha; 9 tháng đầu năm 2016 duy trì diện tích nuôi ở trên.

b. Khu vực kinh tế công nghiệp

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 2010) là 38.421 triệu đồng, đạt 97% KH, trong đó, kinh tế nhà nước 299 triệu đồng, kinh tế ngoài nhà nước 5.757 triệu đồng, kinh tế cá thể 31.271 triệu đồng.

Theo số liệu thống kê năm 2017 toàn huyện có 102 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó nhà nước có 1 cơ sở, tư nhân có 2 cơ sở, cá thể có 99 cơ sở.

c. Khu vực kinh tế dịch vụ

Thương mại- Dịch vụ: Triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả và các hành vi kinh doanh trái pháp luật. Tổ chức 02 đợt kiểm tra kiểm soát thị trường, qua kiểm tra, nhìn chung các cơ sở, doanh nghiệp chấp hành tốt về ghi nhãn hàng hóa, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2017 là 143.590 triệu đồng, tăng 13% so với cùng kỳ; trong đó kinh tế nhà nước đạt: 11.500 triệu đồng, thành phần kinh tế cá thể đạt: 132.090 triệu đồng.

1.2.3. Dân số, lao động

- Tổng dân số trung bình năm 2017 toàn huyện: có 23.974 người; nữ chiếm gần 50% dân số toàn huyện. Dân số nông thôn chiếm 80,59%; dân số thành thị chiếm 19,41%. Tốc độ tăng dân số tự nhiên và cơ học năm 2017 trên 1,0%.

- Mật độ dân số bình quân toàn huyện 71 người/km². Dân số phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thị trấn Tô Hạp (278 người/km²); xã Ba Cùm Bắc (126 người/km²), Sơn Hiệp (51 người/km²), các xã có mật độ thấp như: xã Thành Sơn (40 người/km²), Ba Cùm Nam (33 người/km²).

- Lao động: năm 2017 tổng dân số trong độ tuổi lao động có khoảng 13.400 người..

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.

a. *Thực trạng phát triển các khu đô thị:* Thị trấn Tô Hạp hiện là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Khánh Sơn, nằm khu vực trung tâm huyện (*chủ yếu dọc theo tỉnh lộ 9*); với diện tích tự nhiên là 1.677,46 ha, năm 2017 dân số có 4.654 nhân khẩu, mật độ dân số 278 người/km². Hiện cơ sở hạ tầng của thị trấn đang được đầu tư nâng cấp để đáp ứng được tiêu chuẩn đô thị loại IV.

b. *Khu dân cư nông thôn:* Tổng diện tích đất khu dân cư nông thôn năm 2017 có 2.833,51 ha, chiếm 8,3% diện tích tự nhiên (*trong đó đất ở nông thôn có 110,54 ha*). Các khu dân cư chủ yếu phân bố dọc theo các trục giao thông chính; đa số các công trình phục vụ cho đời sống, kinh tế, chính trị của các xã chủ yếu nằm trong khu dân cư nông thôn.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu trong các khu dân cư nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn tương đối lạc hậu; về đặc điểm phân bố đa số các khu dân cư phân bố tương đối hợp lý; bên cạnh đó vẫn có một số điểm dân cư cần chỉnh trang sắp xếp lại, một số điểm phải di dời một số hộ do nằm trong phạm vi giải toả khi xây dựng các công trình công cộng.

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

a. Hệ thống giao thông

- Đường tỉnh lộ: Tỉnh lộ 9 (ĐT 656) bắt nguồn từ quốc lộ 1A (*thành phố Cam Ranh*) đi huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận; đoạn qua huyện có chiều dài 28 km chạy qua 6/8 xã thị trấn của huyện; tỉnh lộ 9 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt đường rộng 5m, lề đường rộng 7m; đường tỉnh lộ 9 nhiều lần được duy tu bảo dưỡng.

- Đường nội thị: có 21 tuyến đường nội thị với chiều dài 24,56km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 21,28 km (*chiếm 86,6%*), đất có 3,28km (*chiếm 23,4%*); hiện nhiều đoạn của các tuyến đường huyện đã xuống cấp, cần được đầu tư nâng cấp.

- Đường huyện: Tổng số có 10 tuyến với tổng chiều dài 25,4 km, trong đó nhựa có 19,41 km (*chiếm 76,43%*), bê tông xi măng có 2 km (*chiếm 7,8%*), đất

có 4km (chiếm 15,7%). Các tuyến đường huyện được đầu tư khá lâu, thêm vào đó địa hình hiểm trở và thường xuyên bị hư hỏng bởi các trận mưa và xói lở nên các tuyến đường huyện đã xuống cấp; những năm tới cần đầu tư nâng cấp.

- Đường xã: tổng chiều dài 75,0 km, trong đó nhựa có 6,26 km (chiếm 8,43%), bê tông xi măng có 40,84 km (chiếm 54,45%), đường đất có 27,9 km (chiếm 37,2%).

- Đường thôn: Tổng chiều dài 55,5km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 38,19km (chiếm 68,81%), đường đất có 17,31km (chiếm 32,19%).

- Đường sản xuất: Tổng chiều dài 40,24km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 1,8km (chiếm 4,5%), đường đất có 38,44 km (chiếm 80%).

b. Thủy lợi: Toàn huyện hiện có 30 công trình thủy lợi nhỏ (chủ yếu là các đập dâng), công suất thiết kế tưới cho khoảng 350 ha; tưới thực tế được 182 ha (bằng 52% công suất thiết kế), trong đó tưới cho lúa 134 ha, màu và cây công nghiệp 48 ha. Với các công trình thủy lợi hiện có thì huyện Khánh Sơn mới đáp ứng được 8% diện tích cây hàng năm; nếu tính diện tích đất sản xuất nông nghiệp thì mới đáp ứng nhu cầu nước tưới khoảng 4% diện tích. Diện tích còn lại chủ yếu sử dụng nước mưa hoặc người dân bơm tưới từ các sông, suối.

c. Năng lượng, bưu chính viễn thông:

- Năng lượng: Hầu hết địa bàn huyện Khánh Sơn được phủ lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 98%.

- Bưu chính viễn thông: Huyện đã có hệ thống cáp điện thoại đến tất cả các xã, thị trấn và hệ thống thu phát sóng di động, sóng điện thoại di động đã phủ kín trên địa bàn đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt. Các công trình bưu chính viễn thông của huyện gồm 1 bưu điện huyện, 1 trạm viễn thông và 7 bưu điện văn hoá xã. Nhìn chung, quỹ đất của ngành bưu chính viễn thông đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ thông tin liên lạc.

d. Cơ sở văn hóa:

Hiện trên địa bàn huyện có: Trung tâm văn hoá - thể thao, đài truyền thanh, truyền hình huyện... công trình văn hoá của xã như: khu văn hoá TT xã Sơn Bình, TT văn hóa xã Sơn Lâm, TT văn hoá xã Ba Cùm Nam, các nhà sinh hoạt cộng đồng của các thôn, làng; Các công trình văn hóa còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân.

e. Cơ sở y tế: Về cơ sở ngành y tế của huyện Khánh Sơn gồm: 1 Trung tâm y tế huyện ở xã Sơn Trung, diện tích 9.851m² với 70 giường bệnh, 1 phòng khám đa khoa khu vực tại xã Sơn Lâm, diện tích 3.034m² có 10 giường bệnh; 8/8 xã thị trấn đều có trạm y tế xã đạt chuẩn.

g. Cơ sở giáo dục - đào tạo

- Giáo dục mầm non: Tổng số có 9 trường Mầm non (các xã thị trấn đều có trường mầm non), với 72 nhóm, lớp, tổng số có 2.161 cháu mẫu giáo (chiếm 9,01% dân số); tổng số giáo viên cấp mầm non có 155 người; tổng quỹ đất cho cấp mầm non là 18.755m².

- Giáo dục tiểu học: Hiện có 08 trường (*trong đó có 02 trường tiểu học và THCS*) với 133 lớp tiểu học, số cán bộ giáo viên tiểu học có 199 người, tổng số học sinh tiểu học có 2.720 học sinh, chiếm 11,34% tổng dân số.

- Giáo dục trung học cơ sở và phổ thông trung học: Có 4 trường THCS: Trung học cơ sở Ba Cùm Bắc, Trung học cơ sở Sơn Lâm, Trung học cơ sở Sơn Bình, Trung học cơ sở TT Tô Hạp với tổng số có 52 lớp THCS (gồm có 13 lớp THCS thuộc 02 trường tiểu học và THCS); tổng số học sinh có 1.813 em (*chiếm 7,56% tổng dân số*), số giáo viên trung học cơ sở có 109 người. Có 01 trường Phổ thông Trung học tại thị trấn Tô Hạp với 22 phòng học với 15 lớp học, tổng số có 532 học sinh. Và 01 trường Phổ thông dân tộc nội trú có 08 lớp.

h. Văn hóa - thể thao

Các hoạt động văn hoá ngày càng phong phú và đa dạng như: tổ chức hội thi, hội diễn, hoạt động thông tin lưu động và văn nghệ quần chúng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cơ sở ngày càng hiệu quả. Phong trào thể dục – thể thao được duy trì và có nhiều tiến bộ, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại“ giai đoạn 2012 – 2020, tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí, các trò chơi dân gian, các môn thể thao truyền thống trong các dịp Lễ Tết. Ngoài ra, ngành văn hoá – thông tin huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; kết hợp tuyên truyền hỗ trợ các chương trình khác như: y tế, dân số, môi trường,...

Tổ chức thành công Đại hội TDTT các cấp huyện Khánh Sơn lần thứ V năm 2017. Trong năm đã tổ chức thành công 12 giải thi đấu TDTT chính thức cấp huyện, tham gia 8 giải cấp tỉnh; phong trào thể dục thể thao quần chúng được quan tâm phát triển với khoảng 5.100 người tập luyện thường xuyên, 1.133 gia đình thể thao.

l. Chợ, trung tâm thương mại:

Quỹ đất hiện xây dựng hệ thống chợ của Khánh Sơn là 1,15 ha bao gồm 4 chợ là: chợ Tô Hạp, chợ Sơn Lâm, Chợ Sơn Bình và chợ Sơn Hiệp.

1.3. Hiện trạng sử dụng đất 2018, biến động sử dụng đất 2017-2018

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2018

Căn cứ vào kết quả thống kê đất đai năm 2017 và kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018, hiện trạng sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn như sau:

Tổng diện tích tự nhiên có 33.852,76 ha, trong đó: Diện tích đất đang được sử dụng cho các mục đích có 27.546,96 ha, chiếm 81,37% tổng diện tích tự nhiên, còn lại 6.305,80 ha đất chưa sử dụng, chiếm 18,63% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích năm 2018	Cơ cấu 2018 (%)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (1+2+3)			33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.923,84	76,58
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,14	0,52
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,78</i>	<i>0,51</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.301,41	3,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.101,21	9,16
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,55	35,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,64	5,56
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.585,40	22,41
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,49	0,05
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.623,13	4,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	2,04
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	0,00
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,05	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	261,96	0,77
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>198,48</i>	<i>0,59</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>27,28</i>	<i>0,08</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,50</i>	<i>0,00</i>
2.9.4	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,75</i>	<i>0,00</i>
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,41</i>	<i>0,01</i>
2.9.7	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>21,74</i>	<i>0,06</i>
2.9.8	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,76</i>	<i>0,01</i>
2.9.9	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>3,46</i>	<i>0,01</i>
2.9.10	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,04</i>	<i>0,01</i>
2.9.11	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,15</i>	<i>0,00</i>
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,56	0,02
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,11	0,39
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	15,91	0,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,88	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,30	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,45	0,01
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,32	0,04
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,62	0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	479,14	1,42
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.305,80	18,63
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,33	0,26
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.218,47	18,37

* Ghi chú: Số liệu hiện trạng trên là số liệu huyện dự kiến năm 2018; số chính thức sẽ được công bố sau khi thực hiện thống kê đất đai đến ngày 31/12/2018.

1.3.1.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp có 25.923,84 ha, chiếm 76,58 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích 175,14 ha, chiếm 0,68% đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã, trong đó diện đất lúa phân bố nhiều nhất ở xã Ba Cùm Bắc (53,01 ha), Sơn Trung (32,09 ha), Sơn Bình (27,32 ha) và ít nhất ở xã Sơn Lâm (6,09ha); chi tiết diện tích đất lúa phân bố ở các xã xem biểu 01/CH.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 1.301,41 ha, chiếm 5,02% đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã, được sử dụng để trồng đậu, bắp, sắn, mía, hoa màu các loại;

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 3.101,21 ha, chiếm 11,96% đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm phân bố ở tất cả các xã, thị trấn, được sử dụng trồng sầu riêng, chuối, cà phê và các loại cây ăn quả khác; diện tích phân bố nhiều nhất ở xã Ba Cùm Bắc (1.195,07 ha), ít nhất ở xã Ba Cùm Nam (164,76 ha);

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 11.862,55 ha, chiếm 45,76% đất nông nghiệp; đất rừng phòng hộ phân bố ở tất cả các xã thị trấn nhưng tập trung nhiều nhất ở xã Thành Sơn (3.013,44 ha), ít nhất ở thị trấn Tô Hạp (28,86 ha).

- Đất rừng đặc dụng: 1.181,64 ha, chiếm 7,26% diện tích tự nhiên, diện tích trên thuộc khu bảo vệ của Vườn quốc gia Hòn Bà (*diện tích rừng đặc dụng thuộc Vườn Quốc gia Hòn Bà nằm trong ranh giới huyện Khánh Sơn được phân bố ở xã Sơn Trung, Sơn Hiệp và xã Sơn Bình*);

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 7.585,40 ha, chiếm 29,26% đất nông nghiệp, phân bố ở 8 xã thị trấn, trong đó diện tích phân bố nhiều ở các xã Sơn Hiệp, Sơn Bình, Sơn Lâm, Ba Cùm Bắc, Sơn Trung.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 16,49 ha, chiếm 0,06% đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã.

1.3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp có 1.623,13 ha, chiếm 4,79% diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích 689,12 ha, chiếm 42,46% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh: Diện tích 0,78 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Lâm.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích 0,07 ha, chiếm 0,004% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Tô Hạp.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: Diện tích 1,05 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố chủ yếu ở thị trấn Tô Hạp.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích 261,96 ha, chiếm 16,14% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong loại đất này, đất sử dụng cho các mục đích giao thông, thủy lợi và đất cơ sở giáo dục - đào tạo chiếm tỷ lệ lớn (trên 95%); các mục đích còn lại như đất cơ sở văn hóa, đất cơ sở y tế,... chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Đất có danh lam thắng cảnh: Diện tích 5,56 ha, chiếm 0,34 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích 3,27 ha, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp; hạng mục phân bố tại xã Sơn Trung, xã Ba Cùm Bắc, xã Sơn Hiệp, xã Sơn Lâm.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 132,11 ha, chiếm 8,14 % diện tích đất phi nông nghiệp; bình quân 1 hộ gia đình có 200 m² đất ở.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích 15,91 ha chiếm 0,98 % diện tích đất phi nông nghiệp; bình quân 1 hộ gia đình có 150 m² đất ở đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 9,88 ha, chiếm 0,61 % diện tích đất phi nông nghiệp; diện tích của Huyện ủy, UBND huyện, các phòng ban chức năng của huyện và UBND các xã.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích 0,3 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích 4,45 ha, chiếm 0,27 % diện tích đất phi nông nghiệp (diện tích của chùa Khánh Sơn tại thị trấn Tô Hạp).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích 14,32 ha, chiếm 0,88 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích 4,62 ha, chiếm 0,28% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích 479,14 ha, chiếm 29,52 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích 0,56 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

1.3.1.3. Đất chưa sử dụng

Toàn huyện còn 6.305,80 ha đất chưa sử dụng, chiếm 18,63% diện tích tự nhiên; chủ yếu là đất đồi chưa sử dụng; diện tích đất chưa sử dụng phân bố nhiều ở các xã: Thành Sơn (3.013,96 ha), Sơn Lâm (1.523,71 ha), Ba Cùm Bắc (667,01 ha)... diện tích đất chưa sử dụng phân bố ở núi cao, chủ yếu dùng để trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng.

1.3.1.4. Đất đô thị

Toàn huyện có 1.167,46 ha đất đô thị, chiếm 4,69% diện tích tự nhiên của toàn huyện.

1.3.2. Biến động sử dụng đất năm 2018 so với năm 2017

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp 2018 giảm 17,22 ha so với năm 2017, cụ thể:

- Đất trồng lúa: Diện tích năm 2018 ổn định so với năm 2017.
- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích năm 2018 giảm 6,57 ha so với năm 2017; giảm do chuyển sang các hạng mục đất phát triển hạ tầng (đất giao thông, đất thủy lợi, đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ).
- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích năm 2018 giảm 7,53 ha so với năm 2017; giảm do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp (đất ở nông thôn, đất ở đô thị, đất phát triển hạ tầng).
- Đất rừng sản xuất: Diện tích năm 2018 giảm 3,12 ha so với năm 2017; trong đó thực tăng 4,0 ha do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng; diện tích giảm 7,12 ha do chuyển sang đất giao thông và đất thủy lợi.
- Đất rừng phòng hộ: Diện tích năm 2018 ổn định so với năm 2017.
- Đất rừng đặc dụng: Diện tích năm 2018 ổn định so với năm 2017;
- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích năm 2018 ổn định so với năm 2017.

b. Đất phi nông nghiệp

Năm 2018 diện tích đất phi nông nghiệp tăng 20,97 ha so với năm 2017, cụ thể:

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích năm 2018 tăng 21,98 ha so với năm 2017. Các loại đất tăng gồm: đất giao thông 15,04 ha, đất thủy lợi tăng 3,68 ha (xây dựng kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn, Kè bảo vệ hạ lưu cầu Ba Cùm Bắc), đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao 0,21 ha (Sân thể thao thôn Liên Hiệp, xã Sơn Hiệp), đất cơ sở nghiên cứu khoa học 3,46 ha (trại thực nghiệm giống nông nghiệp công nghệ cao tại xã Sơn Trung).
- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 2018 giảm 0,02 ha so với năm 2017; diện tích thực tăng là 0,09 ha do chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn tại các xã; diện tích giảm 0,11 do chuyển sang đất giao thông.
- Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2018 giảm 0,11 ha, trong đó thực tăng 0,1 ha do chuyển từ đất nông nghiệp; diện tích giảm 0,21 do chuyển sang đất phát triển hạ tầng (xây dựng kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn).
- Đất trụ sở cơ quan: giảm 0,62 ha so với năm 2017, giảm do chuyển sang đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn) và đất giao thông;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: tăng 0,04 ha (Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn) do chuyển mục đích từ đất trụ sở cơ quan.

- Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,12 ha, do chuyển từ đất cây lâu năm (Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa, xã Sơn Bình).

- Đất sông suối: giảm 0,77 ha so với năm 2017, giảm do chuyển sang đất thủy lợi (xây dựng kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn, Kè bảo vệ hạ lưu cầu Ba Cùm Bắc).

Các loại đất còn lại ổn định so với năm 2017.

c. Đất chưa sử dụng: Diện tích năm 2018 giảm 4,75 ha so với năm 2017; giảm do chuyển sang đất rừng sản xuất tại thôn Ha Nít và Cô Róa, xã Sơn Lâm.

d. Đất đô thị: Không thay đổi so với năm 2017.

Bảng 02: Biến động sử dụng đất năm 2018 so với năm 2017 của huyện Khánh Sơn

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2017	Tổng diện tích 2018	Tăng (+), giảm (-)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (1+2+3)			33.852,76	33.852,76	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.941,06	25.923,84	-17,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,14	175,14	0,00
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,78</i>	<i>171,78</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.307,98	1.301,41	-6,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.108,74	3.101,21	-7,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,55	11.862,55	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,64	1.881,64	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.588,52	7.585,40	-3,12
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,49	16,49	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.601,15	1.623,13	21,98
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	689,12	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	0,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	0,07	0,00
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,05	1,05	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	239,39	261,96	22,57
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>183,44</i>	<i>198,48</i>	<i>15,04</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>23,60</i>	<i>27,28</i>	<i>3,68</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,50</i>	<i>0,50</i>	<i>0,00</i>
2.9.4	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,75</i>	<i>0,75</i>	<i>0,00</i>
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>	<i>0,00</i>
2.9.7	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>21,95</i>	<i>21,74</i>	<i>-0,21</i>
2.9.8	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,55</i>	<i>3,76</i>	<i>0,21</i>
2.9.9	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,00</i>	<i>3,46</i>	<i>3,46</i>
2.9.10	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,04</i>	<i>2,04</i>	<i>0,00</i>
2.9.11	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,15</i>	<i>1,15</i>	<i>0,00</i>
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	5,56	0,76
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	3,27	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,13	132,11	-0,02
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	16,02	15,91	-0,11

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2017	Tổng diện tích 2018	Tăng (+), giảm (-)
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,50	9,88	-0,62
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,30	0,04
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,45	4,45	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,32	14,32	0,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,50	4,62	0,12
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	479,91	479,14	-0,77
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.310,55	6.305,80	-4,75
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,83	87,33	-0,50
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.222,72	6.218,47	-4,25
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,46	1.677,46	

Nguồn: - Kết quả thống kê đất đai năm 2017 - Phòng TN&MT.
- Kết quả điều tra tổng hợp thực hiện năm 2018

1.3.3. Đánh giá công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch trong năm 2018

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013; Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn.

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Năm 2018 trên địa bàn huyện thực hiện: mở rộng, nâng cấp được 05 tuyến đường giao thông nông thôn, Cầu tràn thôn Dốc Trầu, Đầm dùm chân Đỉnh Đèo, Quảng Trường – Công viên khu vực trước đài tưởng niệm huyện, Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ và Trẻ em, xây dựng kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn (giai đoạn 1), Kè bảo vệ hạ lưu cầu Ba Cùm Bắc, Thác nước tạo cảnh quan Cua Cây Da, thu hồi đất để xây dựng nhà công đồng thôn Liên Hòa, chuyển mục đích đất để thành lập Sân thể thao thôn Liên Hiệp, xây dựng Bãi đỗ xe và đường vào nhà Dài thôn Hòn Dung - xã Sơn Hiệp, xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn – xã Sơn Trung, giao đất xây dựng Trạm thực nghiệm Khoa học - Công nghệ Khánh Sơn (Sở Khoa học và Công nghệ), chuyển mục đích đất giao Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn, triển khai trồng được 4,0 ha rừng sản xuất trên đất chưa sử dụng, cho chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở,... Các hạng mục công trình trên đều được thực hiện đúng theo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.4.1. Thuận lợi

- Là huyện miền núi của tỉnh Khánh Hoà, trong những năm tới huyện sẽ nhận được nhiều sự ưu đãi hơn đầu tư về phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội.

- Diện tích tự nhiên rộng, mật độ dân số ở mức thấp, nhu cầu về đất đai cũng như áp lực dân số về đất đai không lớn, là điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng các điểm dân cư, xây dựng các công trình phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mà không làm ảnh hưởng quá nhiều đến đời sống của nhân dân.

- Tài nguyên đất đai, khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng; khí hậu mát mẻ hơn các huyện thị khác trong tỉnh, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn là điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các loại cây ăn trái, hình thành vùng cây ăn trái đặc sản có giá trị kinh tế cao của tỉnh Khánh Hoà.

- Diện tích rừng chiếm tỷ lệ lớn, bên cạnh đó sự phong phú về chủng loại rừng, vừa có giá trị về kinh tế vừa có giá trị về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Môi trường đất, nước, không khí còn khá trong lành, khí hậu mát mẻ quanh năm, thảm thực vật khá phong phú là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, thu hút khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng.

- Đặc điểm dân cư cộng đồng với nhiều dân tộc anh em có những nét văn hoá mang bản sắc riêng của từng dân tộc, từng vùng miền... tạo nên tính đa dạng về sắc thái văn hoá ... đây là một trong những thế mạnh để phát triển du lịch.

1.4.2. Khó khăn

- Khó khăn lớn nhất của Khánh Sơn là nằm tương đối biệt lập với các huyện khác trong tỉnh và trong vùng, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn; mọi hoạt động về giao lưu buôn bán và trao đổi hàng hoá với bên ngoài đều phụ thuộc vào tỉnh lộ 9; đường Tỉnh lộ 9 là tuyến đường hẹp, đi qua nhiều sông suối và đèo dốc, khi mùa mưa đến lũ trên đầu nguồn đổ về gây ngập lụt ở nhiều đoạn dẫn đến tình trạng huyện thường xuyên bị cô lập với bên ngoài vào mùa mưa lũ (*tuy nhiên thời gian bị cô lập thường không kéo dài*).

- Do địa hình bị chia cắt mạnh bởi nhiều sông, suối, đồi núi hiểm trở... nên việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần nguồn kinh phí lớn, đầu tư đồng bộ mới đáp ứng nhu cầu phát triển chung của Huyện.

- Lượng mưa lớn, cường độ mạnh có thể gây lũ cục bộ và sạt lở đất gây nhiều khó khăn thiệt hại cho sản xuất, đời sống dân cư cũng như việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trình độ dân trí thấp, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, nguồn lao động chủ yếu là lao động thủ công, lao động qua đào tạo còn thấp, khả năng tiếp cận nền kinh tế thị trường, tiếp thu ứng dụng khoa học công nghệ rất hạn chế. Việc giải quyết vấn đề về lao động có trình độ nhận thức và tay nghề, nhất

là vùng đồng bào dân tộc gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, tạo điều kiện cho thúc đẩy nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường... Cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại như: chợ, cửa hàng, kho tàng, bến bãi và phương tiện vận tải phục vụ bán buôn còn yếu và thiếu...

- Thu ngân sách địa phương còn ở mức thấp nên khả năng chủ động nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn.

- Chủ trương lớn phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa được cụ thể hoá thành những chương trình để triển khai đồng bộ, còn lúng túng về nội dung xây dựng, thiếu quy hoạch và định hướng phát triển.

II/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN KHÁNH SƠN

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

2.2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án đưa vào kế hoạch 2018

a. Kết quả thực hiện danh mục công trình dự án

Theo Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tổng số công trình, dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn huyện Khánh Sơn có 59 hạng mục công trình, dự án với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất là 219,47 ha. Kết quả thực hiện KHSĐ đất năm 2018 như sau:

a.1. Các hạng mục công trình, dự án đã thực hiện:

Năm 2018 đã thực hiện được 21/59 hạng mục công trình dự án, với diện tích 33,14 ha, đạt 35,59% về số lượng công trình và đạt 15,10% về quy mô diện tích, cụ thể:

Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2018 đã thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Tổng DT thực hiện (ha)	Địa điểm	Chủ đầu tư
I.	Công trình cấp tỉnh quản lý			
1	Trạm thực nghiệm Khoa học - Công nghệ Khánh Sơn (Sở Khoa học và Công nghệ)	3,46	Xã Sơn Trung	Sở KH-CN
2	Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ TE (<i>trạm y tế cũ</i>)	0,05	Xã Sơn Trung	TT Y tế
II.	Công trình cấp huyện, xã quản lý			
1	Điểm dừng chân Đinh Đèo	1,48	Xã Ba Cạm Bắc	Phòng KTHT
2	Quảng trường - công viên khu vực trước đài tượng niệm huyện	0,40	TT Tô Hạp	Phòng KTHT

3	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp)	3,08	TT Tô Hạp	Ban QLDA
4	Thác nước tạo cảnh quan Cua Cây Da	0,76	Xã Ba Cùm Bắc	Phòng KTHT
5	Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn	0,04	TT Tô Hạp	Liên đoàn LĐ tỉnh
6	Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa	0,12	Xã Sơn Bình	UBND xã
7	Nối tiếp đường Liên Bình đi khu sản xuất thôn Ha Nít xã Sơn Lâm	4,25	Xã Sơn Lâm	Ban QLDA
8	Mở đường tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Suối Phèn, xã Sơn Hiệp	4,00	Xã Sơn Hiệp	Ban QLDA
9	Nâng cấp đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã ba tỉnh lộ 9 nhà ô Bính (giai đoạn 2)	0,30	TT Tô Hạp	Ban QLDA
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, dài 270 m	0,20	TT Tô Hạp	UBND TT
11	Đường đi khu sản xuất Suối Chính thôn Hòn Gầm (giai đoạn II)	1,20	Xã Ba Cùm Nam	UBND xã
12	Bãi đỗ xe và đường vào nhà Dài thôn Hòn Dung	0,50	Xã Sơn Hiệp	UBND xã
13	Sân thể thao thôn Liên Hiệp	0,21	Xã Sơn Hiệp	TT Quỹ đất
14	Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn	3,00	Xã Sơn Trung	Phòng TNMT
15	Cầu tràn thôn Dốc Trầu	2,00	Xã Ba Cùm Bắc	Ban QLDA
16	Kè bảo vệ hạ lưu cầu Ba Cùm Bắc	1,00	Xã Ba Cùm Bắc	Ban QLDA
17	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại 7 xã và thị trấn Tô Hạp	0,19	các xã, thị trấn	
18	Chuyển mục đích đất lúa sang đất trồng cây hàng năm ở các xã	2,90	Xã Ba Cùm Bắc	
19	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	4,00	Xã Sơn Lâm	

(Chi tiết xem Phụ biểu 02)

* *Phân theo cấp quản lý:* Trong 21 hạng mục công trình, dự án đã thực hiện có 19/56 hạng mục công trình, dự án do cấp huyện, xã quản lý, đạt 33,93% kế hoạch năm 2018; có 02/03 công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý, đạt 66,67% kế hoạch năm 2018.

a.2. Các hạng mục công trình, dự án chưa thực hiện và đề nghị không thực hiện chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Có 04 hạng mục công trình, dự án, với diện tích 0,98 ha chưa được thực hiện trong năm kế hoạch 2018 và không chuyển tiếp qua năm 2019, gồm có: Trường mầm non Sao Mai (xã Ba Cùm Bắc), mở rộng trường tiểu học thị trấn Tô Hạp, Trường Mầm non Anh Đào xã Thành Sơn (điểm Tà Giang II), do các hạng mục công trình không bố trí được vốn đầu tư; Đường vào khu sản xuất Suối Hai thôn Ka Tơ -giai đoạn II (Xã Ba Cùm Nam) do bố trí đầu tư công giai đoạn 2020 – 2025. (Chi tiết xem Phụ biểu 03)

a.3. Các hạng mục công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển tiếp sang thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

Có 35 hạng mục công trình, dự án; với tổng diện tích 167,86 ha chưa thực hiện và chuyển tiếp sang thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019. Trong

đó có 06 hạng mục công trình, dự án đăng ký 3 năm đề nghị được chuyển tiếp qua năm 2019, cụ thể:

Biểu 05: Danh mục công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển tiếp sang thực hiện KHSĐ đất năm 2019

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp	TMD	12,52	Xã Sơn Hiệp
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cùm Bắc
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư dài tương niệm (đường khu tái định cư Dốc Trầu)	DGT	0,52	Xã Ba Cùm Bắc
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình
5	Mở rộng đường thôn Xà Bói (từ trường Tiểu học đến đường liên xã)	DGT	0,22	Xã Sơn Hiệp
6	Đường D9	DGT	2,96	Xã Sơn Trung
7	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp)	DTL	6,92	TT Tô Hạp, Sơn Hiệp
8	Mở rộng trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn
9	Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,64	Xã Ba Cùm Nam
10	Bảo hiểm xã hội huyện Khánh Sơn	TSC	0,10	TT Tô Hạp
11	Bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn	DRA	0,67	Xã Thành Sơn
12	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn
13	Nghĩa địa Ba Cùm Bắc (thôn Tha Mang)	NTD	2,00	Xã Ba Cùm Bắc
14	Chuyển mục đích đất trạm y tế xã Thành Sơn sang đất ở	ONT	0,04	Xã Thành Sơn
15	Xây dựng thác Tà Gụ	DDT	4,00	Xã Sơn Hiệp
16	Trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc	TSC	0,08	Xã Ba Cùm Bắc
17	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn
18	Đường từ đất Máu Hồng Ngạnh đến đất Bo Bo Minh Xanh	DGT	0,10	Xã Sơn Bình
19	Đường từ nhà ô Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng suối Sóc	DGT	0,17	Xã Sơn Bình
20	Đường từ nhà Cao Văn Tịnh đến nhà Bo Bo Thị Thắm	DGT	0,11	Xã Sơn Bình
21	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình
22	Xây dựng Đập dâng suối Cối	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
23	Xây dựng đập dâng suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
24	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm
25	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	0,97	TT Tô Hạp

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
26	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	Xã Sơn Trung
27	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	DVH	0,35	Thị trấn Tô Hạp
28	Trường PTTH Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	Xã Thành Sơn
30	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O	DSH	0,17	Xã Sơn Trung
31	Chỉnh trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp xã Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung
32	Trạm QLBV rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	DTS	0,06	Xã Sơn Hiệp
33	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	TT Tô Hạp
34	Chuyển mục đích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang trồng cây lâu năm	CLN	77,78	07 xã, thị trấn
35	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	RSX	34,70	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn, Ba Cạm Bắc

b. Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất trong năm kế hoạch 2018.

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu hồi đất phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Khánh Hòa năm 2016: trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018, có 02 hạng mục công trình, dự án, với diện tích 0,51 ha được đăng ký chuyển tiếp. Kết quả đã thực hiện 01 hạng mục, với diện tích 0,26 ha; 01 hạng mục công trình đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019, với diện tích 0,25 ha. *(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị hủy bỏ xem phụ biểu 07)*

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu hồi đất phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Khánh Hòa năm 2017: trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018, có 05 hạng mục công trình, dự án, với 6,11 ha được đăng ký chuyển tiếp. Kết quả đã thực hiện 02 hạng mục, với diện tích 3,62 ha; 02 hạng mục đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019, với diện tích 2,22 ha; 01 hạng mục đề nghị không đăng ký chuyển tiếp, diện tích 0,27 ha. *(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị không chuyển tiếp - xem phụ biểu 07)*

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất bổ sung để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018, có 03 hạng mục công trình, dự án, với diện tích 16,61 ha được đăng ký chuyển tiếp. Kết quả đã

hoàn thành 01 hạng mục, với diện tích 3,46 ha; 01 hạng mục công trình đã thực hiện xong giai đoạn 1; 01 hạng mục công trình đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019, với diện tích 3,0 ha. *(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị không đăng ký chuyển tiếp - xem phụ biểu 07)*

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2018 trên địa tỉnh Khánh Hòa: trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018, có tổng số 21 hạng mục công trình, dự án, với diện tích 37,61 ha được thông qua. Kết quả đã hoàn thành 7/21 hạng mục, với diện tích 13,7 ha; 02 hạng mục công trình đang triển khai, đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019; 02 hạng mục công trình đề nghị không đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019; 10 hạng mục công trình chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019, với diện tích 17,77 ha. *(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị không đăng ký chuyển tiếp - xem phụ biểu 07).*

- Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018, có tổng số 02 hạng mục công trình, dự án, với diện tích 3,0 ha được thông qua. Kết quả đã hoàn thành 02/02 hạng mục, với diện tích 3,0 ha *(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị không đăng ký chuyển tiếp - xem phụ biểu 07)*

c. Nghị quyết về chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trên địa huyện Khánh Sơn cần chuyển 2,39 ha đất trồng lúa sang sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp. Kết quả đến hết năm 2018 chưa được triển khai thực hiện.

2.2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Tổng diện tích tự nhiên: Diện tích tự nhiên của huyện ổn định so với năm 2017;

* *Nhóm đất nông nghiệp*: thực hiện đạt 99,89% so với kế hoạch được duyệt; nhóm đất nông nghiệp có 7 chỉ tiêu, trong đó:

- Có 3/7 chỉ tiêu đạt trên 100% *(chiếm 42,86% chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp)*.

- Có 4/7 chỉ tiêu đạt từ 70 - 99,9% *(chiếm 57,14% chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp)*;

* *Nhóm đất phi nông nghiệp*: thực hiện đạt 96,19% so với kế hoạch được duyệt; nhóm đất phi nông nghiệp có 17 chỉ tiêu chính, trong đó:

- Có 5/17 chỉ tiêu đạt từ 100% trở lên *(chiếm 29,42% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp)*.

- Có 8/17 chỉ tiêu đạt từ 70- 99,9% *(chiếm 47,06% chỉ tiêu nhóm đất phi*

nông nghiệp).

- Có 1/17 chỉ tiêu đạt từ 50-69,9% (chiếm 5,9% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp)

- Có 3/17 chỉ tiêu thực hiện dưới 50% (chiếm 17,65% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp).

* *Đất chưa sử dụng*: thực hiện đạt 98,52% so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)			33.852,76	33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.954,28	25.923,84	99,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	135,57	175,14	129,19
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>134,42</i>	<i>168,88</i>	<i>171,78</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.272,30	1.301,41	102,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.152,95	3.101,21	98,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.872,74	11.862,55	99,91
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.881,64	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.622,56	7.585,40	99,51
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16,49	99,88
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.686,28	1.623,13	96,25
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	689,12	99,75
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	100,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,58	0,07	0,52
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,69	1,05	152,17
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	292,43	261,96	89,58
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>207,61</i>	<i>198,48</i>	<i>95,60</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>43,43</i>	<i>27,28</i>	<i>62,80</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,50</i>	<i>0,50</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,75</i>	<i>0,75</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,75</i>	<i>0,40</i>	<i>53,35</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,37</i>	<i>2,41</i>	<i>101,69</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>23,91</i>	<i>21,74</i>	<i>90,91</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>6,30</i>	<i>3,76</i>	<i>59,68</i>
-	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	<i>DKH</i>	<i>3,61</i>	<i>3,46</i>	<i>95,84</i>
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,04</i>	<i>2,04</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,15</i>	<i>1,15</i>	<i>100,00</i>
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,60	-	-
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8,30	5,56	66,93
2.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,94	3,27	47,12
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	138,26	132,11	95,55
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,55	15,91	96,12
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,18	9,88	97,09
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự	DTS	0,29	0,30	104,76

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	nghiep				
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	4,45	99,11
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	17,86	14,32	80,18
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,67	4,62	98,93
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	478,27	479,14	100,18
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.212,20	6.305,80	98,52

2.2.3 Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp 69,62 ha, kết quả thực hiện 21,22 ha, đạt 30,48% so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 07: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn

TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch CMD SD 2018 (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	69,62	21,22	30,48
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,57	0,003	0,12
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>2,51</i>	<i>0,003</i>	<i>0,12</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	21,49	6,57	30,55
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	35,24	7,53	21,37
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,32	7,12	69,00
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		84,98	-	-
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	16,66	-	-
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất trồng cây lâu năm	RSX/CLN	30,42	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,14	-	-

2.2.4 Kết quả thu hồi đất

Theo kế hoạch được duyệt, tổng diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình dự án năm 2018 là 53,66 ha, kết quả thực hiện được 22,78 ha, đạt 42,45% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt, tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi để thực hiện công trình dự án năm 2018 là 50,57 ha, kết quả thực hiện được 21,03 ha, đạt 41,58% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp: Diện tích phải thu hồi được duyệt là 3,09 ha, kết quả thực hiện được 1,75 ha, đạt 56,73% theo kế hoạch được duyệt.

Bảng 08: Kết quả thu hồi đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch thu hồi đất được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng		53,66	22,78	42,45
1	Đất nông nghiệp	NNP	50,57	21,03	41,58
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,39	0,00	0,13
	<i>Tráo: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2,39</i>	<i>0,00</i>	<i>0,13</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10,43	6,56	62,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29,19	7,35	25,16
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	8,56	7,12	83,19
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,09	1,75	56,73
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,51	0,16	31,07
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,35</i>		-
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>0,16</i>	0,16	99,03
-	<i>Đất giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>		0,21	
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,11		-
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,08	0,21	259,53
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,25	0,62	246,48
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,04		-
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,10	0,77	36,67

2.2.5 Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng các mục đích

Theo quyết định phê duyệt, năm 2018 diện tích đất chưa sử dụng khai thác đưa vào sử dụng 57,58 ha; kết quả thực hiện được 4,75 ha, đạt 8,26%. Trong đó trồng rừng sản xuất 4,0 ha/54,2 ha, đạt 7,38 %, đất đưa vào sử dụng mục đích phát triển hạ tầng 0,75 ha/3,38 ha, đạt 22,19%.

Bảng 09: Kết quả đưa đất CSD vào sử dụng các mục đích năm 2018

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Đất CSD sử dụng vào các mục đích theo kế hoạch duyệt	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng (1+2)		57,58	4,75	8,26
1	Đất nông nghiệp	NNP	54,20	4,00	7,38
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	54,20	4,00	7,38
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,38	0,75	22,19

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Đất CSD sử dụng vào các mục đích theo kế hoạch duyệt	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,00	0,75	75,46
-	Đất giao thông	DGT	0,50	0,75	150,00
-	Đất thủy lợi	DTL	0,50	-	-
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH		0,00463	
2.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,17	-	-
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,21	-	-

2.2.6. Đánh giá, rà soát danh mục công trình dự án đăng ký kế hoạch 3 năm liên tiếp chưa thực hiện.

Kết quả rà soát các công trình đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2016, 2017, 2018 huyện Khánh Sơn có 06 công trình, dự án, với diện tích 14,41 ha chưa được thực hiện; đề nghị đăng ký chuyển tiếp qua năm kế hoạch sử dụng đất 2019, cụ thể:

Bảng 10: Danh mục công trình dự án đăng ký kế hoạch 3 năm liên tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Tổng DT (ha)	Địa điểm
	Tổng cộng		14,41	
1	Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp	TMD	12,52	Xã Sơn Hiệp
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cùm Bắc
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư dài tường niêm (đường khu tái định cư Dốc Trầu)	DGT	0,52	Xã Ba Cùm Bắc
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình
5	MR trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn
6	Bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn	DRA	0,67	Xã Thành Sơn

(Chi tiết xem Phụ biểu 04)

*** Đánh giá:**

+ Đối với hạ tầng du lịch thác Tà Gụ: Là hạng mục kêu gọi đầu tư, trong 3 năm (2016, 2017, 2018) đã có 2 nhà đầu tư đăng ký nhưng không triển khai thực hiện. Hiện nay công trình trên đã có nhà đầu tư tại địa phương cam kết triển khai thực hiện trong năm 2019.

+ 05 hạng mục công trình, dự án chưa được thực hiện do trong năm 2018 chưa cân đối được nguồn vốn đầu tư trong ngân sách.

2.2. Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã tạo điều kiện cho huyện Khánh Sơn thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013, tạo điều kiện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Khánh Sơn vẫn còn hạn chế nhất định sau:

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 nhìn chung vẫn còn đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra, do gặp phải một số nguyên nhân tồn tại, hạn chế sau:

- Không huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư các công trình dự án đưa vào kế hoạch như: xây dựng khu du lịch thác Tà Gụ, khu di tích lịch sử căn cứ cách mạng công an tỉnh, kè sông Tô Hạp...;

- Một số công trình thay đổi về vị trí, điều chỉnh quy hoạch dẫn đến thay đổi quy mô diện tích chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất dẫn đến thay đổi phương án nên không thực hiện được hoặc thực hiện chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra (Nhà thiêu nhi huyện Khánh Sơn,)

- Một số công trình, dự án không nằm trong kế hoạch vốn ban đầu, nhưng do nguồn vốn được cấp bổ sung nên khó khăn trong vấn đề triển khai thực hiện do phải bổ sung hồ sơ cũng như các căn cứ pháp lý có liên quan như: đập dâng Suối Mã, Trung tâm nghiên cứu sản xuất giống nông nghiệp công nghệ cao.

- Việc chỉnh lý hồ sơ địa chính khi thực hiện việc thu hồi, chuyển đổi mục đích để xây dựng các hạng mục công trình, dự án chưa đồng bộ, còn chậm, có những hạng mục đã đưa vào sử dụng nhưng hồ sơ địa chính vẫn chưa được điều chỉnh, đặc biệt các hạng mục công trình, dự án được người dân hiến đất không phải thu hồi đền bù.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, đặc biệt ngành tài nguyên và môi trường trong việc hướng dẫn pháp lý để thực hiện các hạng mục công trình, dự án, cũng như chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng qui định, không bị chông chéo,...

- Nguồn thu ngân ngân sách của huyện còn rất hạn chế nên không đáp ứng được nhu cầu đầu tư, bên cạnh đó kế hoạch hỗ trợ vốn ngân sách từ cấp trên có nhiều thay đổi dẫn đến nhiều công trình dự án không triển khai thực hiện.

III/ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN

3.1. Khái quát về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Khánh Sơn đến năm 2020

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn đã được UBND huyện tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý của các phòng ban chức năng và UBND các xã thị trấn; đã được tổ chức thẩm định. Về cơ bản Điều

chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện kế thừa Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013; ngoài ra có cập nhật các công trình dự án mới phát sinh như:

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp đến năm 2025 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định 1249/QĐ-UBND ngày 18/05/2015;

- Bổ sung dự thảo quy hoạch thủy lợi tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, trong đó huyện Khánh Sơn bổ sung thêm 4 công trình lớn gồm: hồ Sơn Lâm, hồ Sơn Trung, Hồ Sơn Bình và hồ Ba Cùm Bắc; ngoài ra bổ sung thêm các đập suối Mã, đập suối Cối, đập suối Ngựa.

- Bổ sung dự án đầu tư xây dựng đường D9 và chỉnh trang đô thị dọc bờ kè sông Tô Hạp – Sơn Trung;

- Bổ sung công trình dự án: Hệ thống nước sinh hoạt Sơn Bình, Sơn Trung; Đường BTXM từ nhà ông Mầu Phật đi khu sản xuất Suối Lau thôn Ka Tơ (xã Ba Cùm Nam); đường bên kia cầu treo thôn Cam Khánh đi khu sản xuất Sơn Lâm; Mở đường từ tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Apa 1, xã Thành Sơn; và các hạng mục công trình, dự án đăng ký mới của các xã, thị trấn.

- Điều chỉnh vị trí xây dựng Sân vận động huyện ra khu vực đồng Ông Bà xã Sơn Trung;

- Điều chỉnh vị trí, qui mô diện tích xây dựng Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn ra khu vực đầu cầu Sơn Trung – Thị trấn Tô Hạp;

- Cập nhật đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện đến năm 2020, đề án phát triển cây ăn quả, cây lồ ô; đề án trồng thử nghiệm cây măng le;

- Cập nhật đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thực hiện năm kế hoạch 2019;

- Khép kín dân cư để bố trí quỹ đất ở đáp ứng nhu cầu của người dân, cập nhật bổ sung các hạng mục đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới của các xã.

Đối với các công trình dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Khánh Sơn đều đã được bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện và được các phòng, ban chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn thống nhất.

3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2019 của tổ chức và hộ gia đình cá nhân gồm nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2018 của tổ chức và hộ gia đình cá nhân chưa thực hiện và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức hộ gia đình cá nhân phát sinh mới trong năm 2019, trong đó:

a. Nhu cầu sử dụng đất thực hiện các danh mục công trình, dự án năm 2018 chưa thực hiện chuyển sang thực hiện năm 2019

Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2018 chuyển tiếp sang thực hiện năm 2019 là 170,0 ha, để thực hiện 35 hạng mục công trình, dự án. Trong đó: hạng mục công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện

là 32 hạng mục, với diện tích 57,47 ha; hạng mục chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân có 03 hạng mục, với diện tích 112,53 ha.

Bảng 11: Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2018 chưa thực hiện chuyển qua thực hiện năm 2019

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng nhu cầu		170,00	100,00
I	Công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện		57,47	33,81
1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	12,52	7,36
2	Đất giao thông	DGT	7,06	4,15
3	Đất thủy lợi	DTL	16,92	9,95
4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,50	0,88
5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	1,64	0,97
6	Đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao	DTT	3,00	1,76
7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,60	3,29
8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,67	0,39
9	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,54	2,67
10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,08	0,05
11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,16	0,10
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,54	2,08
13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,14
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		112,53	66,19
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	0,03
2	Chuyển mục đích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm	CLN	77,78	45,75
3	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	RSX	34,70	20,41

Ghi chú: Danh mục các công trình, dự án chuyển tiếp năm kế hoạch 2018 sang năm 2019 - xem biểu 10/KH.

b. Nhu cầu đất để thực hiện các danh mục công trình dự án đăng ký mới năm 2019

Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký mới năm 2019 là 513,89 ha để thực hiện 34 hạng mục công trình, dự án. Trong đó: nhu cầu công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện có 28 hạng mục, với diện tích 15,60 ha, chiếm 3,04 %; Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân có 06 hạng mục, với diện tích 498,29 ha, chiếm 96,96%.

Bảng 12: Tổng hợp nhu cầu đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký mới năm 2019 của huyện Khánh Sơn

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng nhu cầu		513,89	100,00
I	Công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện		15,60	3,04
1	Đất giao thông	DGT	11,11	2,16
2	Đất thủy lợi	DTL	2,15	0,42
3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,24	0,05
4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,00	0,39
5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,10	0,02
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		498,29	96,96
1.	Chuyển đất nông nghiệp sang đất ở	ONT, ODT	4,73	0,92
2	Chuyển đất nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ	TMD	0,04	0,01
3	Đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	3,26	0,63
4	Đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,09	0,02
5	Đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm	CLN	8,46	1,65
6	Đất trồng rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm	CLN	481,71	93,74

(Chi tiết các công trình, dự án xem biểu 10/ KH)

3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2019 của huyện Khánh Sơn như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2019 huyện Khánh Sơn

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng DT năm 2018	Tổng DT Kế hoạch 2019	Tăng (+), giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		33.852,76	33.852,76	
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.923,84	25.892,41	-31,42
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,14	152,55	-22,58
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,78</i>	<i>151,35</i>	<i>-20,42</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.301,41	1.239,48	-61,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.101,21	3.610,77	509,56
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,55	11.862,55	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,64	1.881,64	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.585,40	7.128,84	-456,55
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,49	16,58	0,09
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.623,13	1.691,89	68,76
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	689,12	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng DT năm 2018	Tổng DT Kế hoạch 2019	Tăng (+), giảm (-)
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	12,63	12,56
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,05	1,10	0,05
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	261,96	304,77	42,81
2.9.1	Đất giao thông	DGT	198,48	216,31	17,83
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	27,28	46,15	18,87
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0,50	0,50	0,00
2.9.4	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,75	0,75	0,00
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,40	2,14	1,74
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,41	2,31	-0,10
2.9.7	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	21,74	23,21	1,47
2.9.8	Đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao	DTT	3,76	6,76	3,00
2.9.9	Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ	DKH	3,46	3,46	0,00
2.9.10	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,04	2,04	0,00
2.9.11	Đất chợ	DCH	1,15	1,15	0,00
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	5,60	5,60
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,56	1,56	-4,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	3,94	0,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,11	139,63	7,52
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	15,91	16,16	0,25
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,88	9,48	-0,40
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,30	0,47	0,16
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,45	4,45	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,32	19,86	5,54
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,62	4,95	0,33
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	479,14	476,81	-2,33
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.305,80	6.268,46	-37,34
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,33	86,66	-0,67
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.218,47	6.181,80	-36,67
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,46	1.677,46	0,00

* Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu số 06/CH

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2019:

* Diện tích đất tự nhiên toàn huyện: Năm 2019, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện có 33.852,76 ha, không thay đổi so với năm 2018.

3.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2018 có 25.923,84 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 25.892,41 ha, giảm 31,42 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 25.857,71 ha, trong đó diện tích giảm trong năm kế hoạch 66,12 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

3.3.1.1. Đất trồng lúa

- Diện tích năm 2018 có 175,14 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 152,55 ha, giảm 22,58 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 152,55 ha; diện tích chuyển mục đích trong năm kế hoạch 22,58 ha, chuyển sang sử dụng các mục đích: đất trồng cây lâu năm 19,92 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha; đất cơ sở thể thao 2,39 ha, đất giao thông 0,11 ha, đất thủy lợi 0,07 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng lúa: 0 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

- Diện tích năm 2018 có 171,78 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2019 có 151,35 ha, giảm 20,42 ha so với năm 2019; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 151,35 ha; diện tích giảm do chuyển sang sử dụng mục đích khác là 20,42 ha; giảm do chuyển sang sử dụng mục đích: đất trồng cây lâu năm 19,92 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha; đất cơ sở thể thao 2,39 ha, đất giao thông 0,11 ha, đất thủy lợi 0,07 ha.

3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2018 có 1.301,41 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1.239,48 ha, giảm 61,94 ha so với năm 2018.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.239,48 ha; diện tích giảm do chuyển sang sử dụng mục đích khác: 61,94 ha, do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất trồng cây lâu năm 39,16 ha, đất thương mại dịch vụ 9,19 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha, đất giao thông 4,16 ha, đất thủy lợi 2,71 ha, đất xây dựng cơ sở văn 0,9 ha, đất xây dựng cơ sở thể thao 0,20 ha, đất di tích danh thắng 0,10 ha, đất ở nông thôn 4,41 ha, đất ở đô thị 0,34 ha, đất nghĩa địa 0,71 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây hàng năm: 0 ha.

3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2018 có 3.102,61 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 3.610,77 ha, tăng 509,56 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3.069,98 ha; diện tích giảm do chuyển sang các mục đích đất khác là 31,23 ha: đất thương mại dịch vụ 3,37 ha, đất giao thông 7,41 ha, đất thủy lợi 11,82 ha, đất cơ sở thể thao 0,41 ha, đất di tích lịch sử- văn hóa 1,49 ha, đất ở nông thôn 4,20 ha, đất ở đô thị 0,09 ha, đất trụ sở cơ quan 0,08 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa 0,37 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,06 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm 540,78 ha. Trong đó chuyển từ mục đích: đất trồng lúa 19,92 ha, đất trồng cây hàng năm khác 39,16 ha, đất rừng sản xuất 481,71 ha.

3.3.1.4. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích năm 2018 có 11.862,55 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 11.862,55 ha, không thay đổi so với 2018.

3.3.1.5. Đất rừng đặc dụng

- Diện tích năm 2018 có 1.881,64 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1.881,64 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2018.

3.3.1.6. Đất rừng sản xuất

- Diện tích năm 2018 có 7.585,4 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 7.128,84 ha, giảm 456,55 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 7.128,84 ha; diện tích giảm do chuyển mục đích sử dụng trong năm kế hoạch 491,25 ha, do chuyển sang các mục đích: đất trồng cây lâu năm 481,71 ha, đất giao thông 4,39 ha, đất thủy lợi 1,80 ha, đất ở nông thôn 0,44 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,10 ha, đất nghĩa địa 3,25 ha.

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang là 34,7 ha.

3.3.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2018 có 16,49 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2019 có 16,58 ha, tăng 0,09 ha so với 2018.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 16,49 ha;

- Diện tích từ đất lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản trong năm kế hoạch 2019 là 0,09 ha.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2018 có 1.623,13 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1.691,89 ha, tăng 68,76 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.623,13 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 68,76 ha.

Trong đó:

3.3.2.1. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2018 có 689,12 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 689,12 ha, ổn định so với năm 2018.

3.3.2.2. Đất an ninh

- Diện tích năm 2018 có 0,78 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 0,78 ha, ổn định so với hiện trạng 2018.

3.3.2.3. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích năm 2018 có 0,07 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 12,63 ha, tăng 12,56 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,07 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 12,56 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 9,19 ha, đất trồng cây lâu năm 3,37 ha.

Đất thương mại dịch vụ tăng do năm kế hoạch 2019 thực hiện hạng mục: Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ, diện tích 12,52 ha và đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, các nhân trên địa bàn thị trấn Tô Hạp.

3.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2018 có 1,05 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1,1 ha, tăng 0,05 ha so với năm 2018; tăng do cho dân chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại thị trấn Tô Hạp;

3.3.2.5. Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích năm 2018 có 261,96 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 304,77 ha, tăng 42,81 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 261,69 ha, trong đó diện tích giảm trong năm kế hoạch 0,27 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 43,08 ha; chuyển từ đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

a. Đất giao thông

- Diện tích năm 2018 có 198,48 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 216,31 ha, tăng 17,83 ha so với năm 2018.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 198,39 ha, giảm 0,09 ha do chuyển sang các mục đích: đất văn hóa 0,05 ha, đất giáo dục 0,04 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giao thông: 17,92 ha; chuyển từ các mục đích: đất lúa 0,11 ha, đất trồng cây hàng năm khác 4,16 ha, đất trồng cây lâu năm 7,41 ha, đất rừng sản xuất 4,39 ha, đất thủy lợi 0,2 ha, đất ở nông thôn, đô thị 1,18 ha, sông suối 0,21 ha, đất chưa sử dụng 0,26 ha.

Đất giao thông tăng do năm kế hoạch 2019 thực hiện dự án: 10 hạng mục đường giao thông từ năm 2018 chuyển sang 2019 và 21 hạng mục đề xuất mới năm 2019; (chi tiết xem biểu 10/CH).

b. Đất thủy lợi

- Diện tích năm 2018 có 27,48 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 46,15 ha, tăng 18,87 ha so với năm 2018.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 27,08 ha, giảm 0,2 ha do chuyển mục đích sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 19,07 ha, chuyển từ các mục đích: đất lúa 0,07 ha, đất trồng cây hàng năm khác 2,71 ha, đất trồng cây lâu năm 11,82 ha, đất rừng sản xuất 1,80 ha, đất ở nông thôn, đô thị 0,10 ha, đất sông suối 2,06 ha, đất chưa sử dụng 0,50 ha.

Đất thủy lợi tăng do trong năm kế hoạch 2019 thực hiện các hạng mục:

- + Kè sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp), diện tích 6,92 (tổng diện tích dự án là 10 ha, trong đó năm 2018 đã thực hiện 3,08 ha);
- + Đập dâng suối Cối xã Sơn Lâm, diện tích 2,0 ha;
- + Đập dâng suối Ngựa xã Sơn Lâm, diện tích 2,0 ha;
- + Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp, diện tích 2,0 ha;
- + Hệ thống nước tưới- nước tự chảy xã Sơn Lâm, diện tích 4,0 ha.
- + Hệ thống nước tưới- nước tự chảy xã Sơn Bình, diện tích 1,0 ha.
- + Hệ thống nước tưới- nước tự chảy xã Sơn Trung, diện tích 1,0 ha.
- + Kè suối Ty Lay đoạn qua cánh đồng sản xuất mía tím thôn Hòn Dung, diện tích 0,15 ha.

c. Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2018 có 0,50 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 0,50 ha, ổn định so với năm 2018.

d. Đất bưu chính viễn thông

- Diện tích năm 2018 có 0,75 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 0,75 ha, ổn định so với năm 2018.

e. Đất cơ sở dịch vụ về xã hội

- Diện tích năm 2018 có 2,04 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 2,04 ha, ổn định so với năm 2018.

f. Đất cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2018: 0,4 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 2,14 ha, tăng 1,74 ha so với năm 2018, do chuyển mục đích từ: đất trồng cây hàng năm 0,9 ha, đất trồng cây lâu năm 0,5 ha, đất giao thông 0,05 ha, đất ở nông thôn, đô thị là 0,05 ha, đất trụ sở cơ quan 0,24 ha.

Đất cơ sở văn hóa tăng do năm kế hoạch 2019 thực hiện các hạng mục:

+ Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn, diện tích 1,5 ha.

+ Nhà văn hóa thiếu nhi xã Ba Cùm Nam, diện tích 0,24 ha.

g. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2018 có 2,41 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 2,31 ha, giảm 0,1 ha so với năm 2018;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,31 ha; giảm do chuyển mục đích sang đất ở 0,04 ha (trạm y tế xã Thành Sơn cũ), sang đất trụ sở 0,06 ha (Trạm QL BV rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, xã Sơn Hiệp).

h. Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

- Diện tích năm 2018 có 21,74 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 23,21 ha, tăng 1,47 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 21,57 ha, giảm 0,17 ha do chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,17 ha (Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O, xã Sơn Trung).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giáo dục - đào tạo: 1,64 ha do chuyển mục đích từ: đất cây lâu năm 1,42 ha, đất giao thông 0,04 ha, đất ở nông thôn 0,04 ha, đất trụ sở cơ quan 0,14 ha.

Đất cơ sở giáo dục, đào tạo tăng do trong năm kế hoạch 2019 thực hiện các hạng mục:

+ Trường PTTH Tây Khánh Sơn, diện tích 1,5 ha.

+ Mở rộng mầm non xã Thành Sơn, diện tích 0,14 ha (trụ sở UBND xã cũ);

i. Đất cơ sở thể dục - thể thao

- Diện tích năm 2018 có 3,76 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 6,76 ha, tăng 3,0 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,76 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở thể dục - thể thao: 3,0 ha, chuyển từ đất trồng lúa 2,39 ha, đất trồng cây hàng năm 0,20 ha, đất trồng cây lâu năm 0,41 ha.

Đất cơ sở thể dục thể thao tăng do năm kế hoạch 2019 thực hiện hạng mục Sân vận động huyện Khánh Sơn, diện tích 3,0 ha (khu vực đồng Ông Bà xã Sơn Trung).

j. Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ

- Diện tích năm 2018 có 3,46 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 3,46 ha, ổn định so với năm 2018.

k. Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội

- Diện tích năm 2018 có 2,04 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 2,04 ha, ổn định so với năm 2018.

h. Đất chợ

- Diện tích năm 2018 có 1,15 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1,15 ha, ổn định so với năm 2018.

3.3.2.7. Đất có di tích lịch sử - văn hóa

- Diện tích năm 2018 có 0,0 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 5,60 ha; tăng 5,60 ha so với năm 2018; tăng do xây dựng Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa tại xã Ba Cạm Nam và bổ sung danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ được UBND tỉnh Khánh Hòa xếp hạng di tích Lịch sử – Văn hóa cấp tỉnh (chuyển đất danh lam thắng cảnh sang đất có di tích lịch sử- văn hóa)

3.3.2.8. Đất danh lam thắng cảnh

- Diện tích năm 2018 có 5,56 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1,56 ha, giảm 4,0 ha so với năm 2018.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1,56 ha; giảm 4,0 ha do chuyển mục đích sang đất có di tích lịch sử - văn hóa Thác Tà Gụ.

3.3.2.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích năm 2018 có 3,27 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 3,94 ha, tăng 0,67 so với năm 2018. Tăng do xây dựng bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn, diện tích 0,67 ha.

3.3.2.10. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2018 có 132,11 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 139,63 ha, tăng 7,52 ha so với năm 2018.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 130,91 ha, giảm 1,2 ha do chuyển sang các mục đích: đất giao thông 1,15 ha, đất giáo dục 0,04 ha, đất di tích lịch sử-văn hóa 0,01 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 8,72 ha, do chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 4,41 ha, đất trồng cây lâu năm 4,2 ha, đất y tế 0,04 ha, đất sông suối 0,06 ha.

Đất ở nông thôn tăng do trong năm kế hoạch 2019 thực hiện các hạng mục: chỉnh trang dân cư dọc bờ kè Tô Hạp, xã Sơn Trung, diện tích 4,5 ha, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn của 7 xã (theo danh sách đăng ký của các hộ gia đình) và hình thành điểm dân cư tại xã Thành Sơn.

3.3.2.11. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2018 có 15,91 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 16,16 ha, tăng 0,25 ha so với năm 2018; trong đó:
 - Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 15,73 ha; giảm 0,18 ha do chuyển sang mục đích: đất giao thông 0,03 ha, đất thủy lợi 0,1 ha, đất văn hóa 0,05 ha.
 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 0,43 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 0,34 ha, đất trồng cây lâu năm 0,09 ha (theo đăng ký chuyển mục đích của các hộ gia đình cá nhân tại thị trấn Tô Hạp).

3.3.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích năm 2018 có 9,88 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 9,48 ha, giảm 0,4 ha so với năm 2018, trong đó:
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 9,4 ha, giảm 0,48 ha do chuyển sang đất văn hóa 0,24 ha, đất cơ sở giáo dục 0,14 ha, đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,1 ha.
 - Diện tích đất từ mục đích khác chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,08 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm (mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cùm

Bắc)

3.3.2.13. Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp

- Diện tích năm 2018 có 0,3 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 0,47 ha, tăng 0,16 so với năm 2018.

Trong đó: từ đất y tế 0,06 ha; đất trụ sở cơ quan 0,1 ha.

3.3.2.14. Đất tôn giáo

- Diện tích năm 2018 có 4,45 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 4,45 ha, ổn định so với năm 2018.

3.3.2.15. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

- Diện tích năm 2018 có 14,32 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 19,86 ha, tăng 5,54 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 14,32 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,71 ha, đất trồng cây lâu năm 0,37 ha, đất rừng sản xuất 3,25 ha, đất chưa sử dụng 1,21 ha.

Đất nghĩa địa tăng do năm kế hoạch 2019 thực hiện các hạng mục:

+ Nghĩa địa Thành Sơn, diện tích 1,54 ha;

+ Nghĩa địa xã Ba Cùm Bắc, diện tích 2,0 ha.

+ Nghĩa địa xã Ba Cùm Nam, diện tích 2,0 ha.

3.3.2.16. Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích năm 2018 có 4,62 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 4,95 ha, tăng 0,33 ha so với năm 2018; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,62 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,33 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,06 ha, đất rừng sản xuất 0,1 ha, đất giáo dục 0,17 ha.

Diện tích tăng do thực hiện các hạng mục:

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang II xã Thành Sơn, diện tích 0,06 ha;

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O xã Sơn Trung, diện tích 0,17 ha (đất điểm trường TH do xã quản lý).

+ Nhà cộng đồng thôn Suối Me, xã Ba Cùm Nam, diện tích 0,1 ha.

3.3.2.17. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích năm 2018 có 479,14 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 476,81 ha, giảm 2,33 so với năm 2018.
- Diện tích giảm do chuyển mục đích sang: đất thủy lợi 2,06 ha, đất giao thông 0,21 ha, đất ở nông thôn 0,06 ha.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2018 có 6.305,8 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 6.268,46 ha, giảm 342 ha so với năm 2018; trong đó:
 - Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 6.268,46 ha; diện tích giảm 37,34 ha, do chuyển sang các mục đích: đất rừng sản xuất 34,7 ha, đất giao thông 0,26 ha, đất thủy lợi 0,50 ha, đất bãi rác, xử lý chất thải 0,67 ha, đất nghĩa địa 1,21 ha.

3.3.4. Đất đô thị

- Diện tích năm 2018 có 1.677,46 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2019 có 1.677,46 ha, ổn định so với năm 2018.

3.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019

Trong năm kế hoạch 2019 để thực hiện các công trình, dự án cần chuyển mục đích các loại đất như sau:

* *Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp*: Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp năm 2019 là 66,12 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 2,571 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 22,78 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp 31,23 ha;
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 9,54 ha;

* *Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp*: Năm 2019 chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 540,88 ha.

* *Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở*: Năm 2019 đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở 0,1 ha.

Bảng 14: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	66,12
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>2,57</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	22,78
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	31,23
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	9,54
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		540,88
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	19,92
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,09
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất cây lâu năm	HNK/CLN	39,16
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng (đất cây lâu năm)	RSX/NKR ^(a)	481,71
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,10

* Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 07/CH

3.5. Diện tích thu hồi đất năm 2019

Diện tích phải thu hồi đất khi thực hiện các công trình dự án năm 2019 của huyện Khánh Sơn là 70,10 ha;

- Thu hồi đất nông nghiệp 61,22 ha, gồm: đất trồng lúa 2,57 ha, đất trồng cây hàng năm khác 19,00 ha, đất trồng cây lâu năm 30,11 ha, đất rừng sản xuất 9,54 ha.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp 8,87ha.

Bảng 15: Kế hoạch thu hồi đất năm 2019 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng diện tích (1+2)		70,10
1	Đất nông nghiệp	NNP	61,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2,57</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	19,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30,11
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	9,54
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8,87
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,60
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>0,13</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,20</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,10</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,17</i>
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,28

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,48
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,33

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 08/CH).

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là 36,67 ha, trong đó:

- Khai thác đất chưa sử dụng để sử dụng mục đích nông nghiệp: 34,7 ha;
- Khai thác sử dụng mục đích phi nông nghiệp: 1,97 ha.

Bảng 16: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2019

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích khai thác sử dụng các mục đích (ha)
	Tổng cộng (1+2)		36,67
1	Đất nông nghiệp	NNP	34,70
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	34,70
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,97
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,76
-	Đất giao thông	DGT	0,26
-	Đất thủy lợi	DTL	0,50
2.2	Đất ở nông thôn	ONT	36,67
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,21

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 09/CH).

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2019

3.7.1. Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Tổng danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2019 của huyện Khánh Sơn là 69 hạng mục với tổng diện tích 683,88 ha, trong đó: chuyển tiếp từ năm kế hoạch 2018 là 35 hạng mục, chiếm 50,72 % tổng hạng mục trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019; đăng ký mới năm 2019 là 34 hạng mục, chiếm 49,28%, chi tiết như sau:

Bảng 17: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2019 của huyện Khánh Sơn

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
	TỔNG CỘNG		683,88	
A	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP		170,00	
I	CHUYỂN TIẾP TỪ KẾ HOẠCH NĂM 2017		29,79	
	Các công trình do đơn vị tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện			
1	Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp	TMD	12,52	Xã Sơn Hiệp
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cạm Bắc
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư đài tưởng niệm (đường khu tái định cư Dốc Trâu)	DGT	0,52	Xã Ba Cạm Bắc
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình
5	Mở rộng đường thôn Xà Bói (từ trường Tiểu học đến đường liên xã)	DGT	0,22	Xã Sơn Hiệp
6	Đường D9	-	2,96	Xã Sơn Trung
7	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp)	DTL	6,92	TT Tô Hạp, Sơn Hiệp
	<i>Đoạn qua TT Tô Hạp</i>	-	4,72	<i>TT Tô Hạp</i>
	<i>Kè sông Tô Hạp (đoạn thôn Xà Bói xã Sơn Hiệp)</i>	-	2,20	<i>Xã Sơn Hiệp</i>
8	MR trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn
9	Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,60	Xã Ba Cạm Nam
10	Bảo hiểm xã hội huyện Khánh Sơn	DTS	0,10	TT Tô Hạp
11	Bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn	DRA	0,67	Xã Thành Sơn
12	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn
13	Nghĩa địa Ba Cạm Bắc (thôn Tha Mang)	NTD	2,00	Xã Ba Cạm Bắc
14	Chuyển mục đích đất trạm y tế xã Thành Sơn sang đất ở	ONT	0,04	Xã Thành Sơn
II	CHUYỂN TIẾP TỪ KẾ HOẠCH NĂM 2018		140,20	
a.	Công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện		27,67	
1	Xây dựng thác Tà Gụ	DDT	4,00	Xã Sơn Hiệp
2	Trụ sở UBND xã Ba Cạm Bắc	TSC	0,08	Xã Ba Cạm Bắc
3	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn
4	Đường từ đất Mầu Hồng Ngạnh đến đất Bo Bo Minh Xanh	DGT	0,10	Xã Sơn Bình
5	Đường từ nhà ô Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng suối Sóc	DGT	0,17	Xã Sơn Bình
6	Đường từ nhà Cao Văn Tịnh đến nhà Bo Bo Thị Thắm	DGT	0,11	Xã Sơn Bình
7	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình
8	Xây dựng Đập dâng suối Cối	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
9	Xây dựng đập dâng suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
10	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm
11	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	2,00	TT Tô Hạp
12	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	Xã Sơn Trung
13	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	DVH	1,50	Thị trấn Tô Hạp
14	Trường PTTH Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm
15	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	Xã Thành Sơn
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O	DSH	0,17	Xã Sơn Trung
17	Chỉnh trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp xã Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung
18	Trạm QLBV rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	DTS	0,06	Xã Sơn Hiệp
b.	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		112,53	
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	Thửa 84, tờ bản đồ 31
2	Chuyển mục đích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm	CLN	77,78	
	<i>Xã Sơn Trung</i>	<i>CLN</i>	2,50	
	<i>Xã Sơn Bình</i>	<i>CLN</i>	14,00	
	<i>Xã Sơn Lâm</i>	<i>CLN</i>	8,66	
	<i>Xã Thành Sơn</i>	<i>CLN</i>	6,20	

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
	<i>Xã Sơn Hiệp</i>	<i>CLN</i>	2,00	
	<i>Xã Ba Cùm Bắc</i>	<i>CLN</i>	33,92	
	<i>TT Tô Hạp</i>	<i>CLN</i>	7,00	
	<i>Xã Ba Cùm Nam</i>	<i>CLN</i>	3,50	
3.	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	<i>RSX</i>	34,70	
	<i>Xã Ba Cùm Bắc</i>	<i>RSX</i>	10,50	
	<i>Xã Sơn Lâm</i>	<i>RSX</i>	8,70	
	<i>Xã Thành Sơn</i>	<i>RSX</i>	15,50	
B	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2019		513,89	
I	Các công trình do đơn vị tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện		15,60	
1	Nối tiếp đường BTXM từ đường Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo	DGT	0,04	TT Tô Hạp
2	Đường Trần Bình Trọng vào khu sản xuất cuối thôn Tà Lương	DGT	0,07	TT Tô Hạp
3	Đường Cao Văn Bé vào khu 5 hộ thôn Dốc Gạo	DGT	0,05	TT Tô Hạp
4	Đường Đình Tiên Hoàng	DGT	0,30	TT Tô Hạp
5	Đường từ Trường Sơn Ca đến thôn Dốc Gạo	DGT	0,50	TT Tô Hạp
6	Đường từ nhà ông Tuấn Phương đến rẫy ông Sét	DGT	0,18	TT Tô Hạp
7	Đường Mê Linh vào rẫy ông Bính	DGT	0,08	TT Tô Hạp
8	Đường nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến công bản suối Ka rô (giai đoạn 1)	DGT	0,61	Xã Sơn Trung
9	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	DTL	1,00	Xã Sơn Trung
10	Đường từ rẫy nhà ông Mai thôn Xà Bói đi thôn Hòn Dung	DGT	0,25	Xã Sơn Hiệp
11	Đường vào khu sản xuất Hòn Dung xã Sơn Hiệp	DGT	0,45	Xã Sơn Hiệp
12	Đường BTXM vào trục nội đồng thôn Tà Gụ	DGT	0,72	Xã Sơn Hiệp
13	Đường từ nhà ông Mạnh đến đất ông Sinh	DGT	0,80	Xã Sơn Hiệp
14	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Mậu Lang đi diêm trường tiểu học thôn Hòn Dung	DGT	0,80	Xã Sơn Hiệp
15	Đường BTXM từ nhà ông Khuyến đến đất ông Cường	DGT	0,72	Xã Sơn Hiệp
16	Kè suối Ty Lay đoạn qua cánh đồng sản xuất mía tím thôn Hòn Dung	DTL	0,15	Xã Sơn Hiệp
17	Nối tiếp đường vào đồng ruộng Xóm Cò	DGT	0,23	Xã Sơn Bình
18	Đường từ đất Bo Bo Dương đến ruộng Suối Sóc	DGT	0,51	Xã Sơn Bình
19	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Bình	DTL	1,00	Xã Sơn Bình
20	Đường bên kia cầu treo thôn Cam Khánh đi khu sản xuất xã Sơn Lâm	DGT	2,00	Xã Sơn Lâm
21	Mở đường từ tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Apa I	DGT	0,19	Xã Thành Sơn
22	Đường từ nhà ông Mậu Bông đi nội đồng thôn A Thi,	DGT	0,15	Xã Ba Cùm Bắc
23	Đường vào khu nghĩa trang thôn Tha Mang	DGT	0,23	Xã Ba Cùm Bắc
24	Đường BTXM từ nhà ông Mậu Phật đi khu sản xuất Suối Lau thôn Ka Tô	DGT	2,00	Xã Ba Cùm Nam
25	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Chinh (giai đoạn II)	DGT	0,23	Xã Ba Cùm Nam
26	Nghĩa trang xã Ba Cùm Nam	NTD	2,00	Xã Ba Cùm Nam
27	Nhà cộng đồng thôn Suối Me	DSH	0,10	Xã Ba Cùm Nam
28	Nhà văn hóa thiếu nhi xã Ba Cùm Nam	DVH	0,24	Xã Ba Cùm Nam
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		498,29	
1.	Chuyển đất nông nghiệp sang đất ở	ONT, ODT	4,73	
-	<i>TT Tô Hạp</i>	<i>ODT</i>	<i>0,43</i>	<i>Có DS đăng ký kèm theo</i>
-	<i>Xã Sơn Trung</i>	<i>ONT</i>	<i>0,18</i>	<i>Có DS đăng ký kèm theo</i>
-	<i>Xã Sơn Hiệp</i>	<i>ONT</i>	<i>3,18</i>	<i>Có DS đăng ký kèm theo</i>
-	<i>Xã Sơn Bình</i>	<i>ONT</i>	<i>0,71</i>	<i>Có DS đăng ký kèm theo</i>

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
-	Xã Sơn Lâm	ONT	0,03	Có DS sơ bộ đăng ký kèm theo
-	Xã Thành Sơn	ONT	0,12	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Ba Cạm Bắc	ONT	0,03	Thửa số 5, tờ BĐ 29
-	Xã Ba Cạm Nam	ONT	0,05	Có DS đăng ký kèm theo
2	Chuyển đất nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ	TMD	0,04	-
-	TT Tô Hạp	TMD	0,04	Thửa 73 tờ số 18 thị trấn Tô Hạp
3	Đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	3,26	-
-	Xã Sơn Hiệp	CLN	3,02	-
-	Xã Thành Sơn	CLN	0,23	Có DS đăng ký kèm theo
4	Đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,09	-
-	TT Tô Hạp	NTS	0,09	-
5	Đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm	CLN	8,46	-
-	Xã Thành Sơn	CLN	8,46	Có DS đăng ký kèm theo
6	Đất trồng rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm	CLN	481,71	-
-	TT Tô Hạp	CLN	126,38	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Sơn Trung	CLN	2,03	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Sơn Hiệp	CLN	169,91	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Sơn Bình	CLN	100,06	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Sơn Lâm	CLN	17,95	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Thành Sơn	CLN	7,61	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Ba Cạm Bắc	CLN	28,09	Có DS đăng ký kèm theo
-	Xã Ba Cạm Nam	CLN	29,69	Có DS đăng ký kèm theo

3.7.2. Danh mục các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 khi thực hiện phải trình HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2018

Tổng hạng mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 khi thực hiện phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và được HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2018 có 33 hạng mục sử dụng vốn ngân sách, trong đó: điều chỉnh diện tích có 01 hạng mục; 04 hạng mục đăng ký kế hoạch sử dụng đất liên tiếp 03 năm (2016, 2017, 2018: gồm có: Mở rộng trường Mầm non Thành Sơn, diện tích 0,14 ha, xã Thành Sơn; Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành, diện tích 0,25 ha, xã Ba Cạm Bắc; Đường vào khu quy hoạch khu dân cư dài tương niệm (đường khu tái định cư Dốc Trầu), diện tích 0,52 ha, xã Ba Cạm Bắc và Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc, diện tích 0,31 ha, xã Sơn Bình) chưa thực hiện được đăng ký chuyển tiếp và 28 hạng mục công trình đăng ký mới. Cụ thể như sau:

Bảng 18: Danh mục công trình dự án đề xuất mới năm 2019 khi thực hiện phải trình HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Diện tích (ha)	Địa điểm
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH			
I	Nhóm công trình thuộc Điểm a, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai 2013			
1.	Mở rộng trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn
II	Nhóm công trình thuộc Điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013			
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cùm Bắc
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư đài tưởng niệm (đường khu tái định cư Dốc Trầu)	DGT	0,52	Xã Ba Cùm Bắc
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình
5	Nối tiếp đường BTXM từ đường Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo	DGT	0,04	TT Tô Hạp
6	Đường Cao Văn Bé vào khu 5 hộ thôn Dốc Gạo	DGT	0,05	TT Tô Hạp
7	Đường Trần Bình Trọng vào khu sản xuất cuối thôn Tà Lương	DGT	0,07	TT Tô Hạp
8	Đường Đinh Tiên Hoàng	DGT	0,20	TT Tô Hạp
9	Đường từ Trường Sơn Ca đến thôn Dốc Gạo	DGT	0,50	TT Tô Hạp
10	Đường từ nhà ông Tuấn Phương đến rẫy ông Sét	DGT	0,18	TT Tô Hạp
11	Đường Mê Linh vào rẫy ông Bình	DGT	0,08	TT Tô Hạp
12	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	2,00	TT Tô Hạp
13	Đường nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến công bản suối Ka rô (giai đoạn I)	DGT	0,61	Xã Sơn Trung
14	Hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	DTL	1,00	Xã Sơn Trung
15	Đường từ rẫy nhà ông Mai thôn Xà Bối đi thôn Hòn Dung	DGT	0,25	Xã Sơn Hiệp
16	Đường BTXM vào trục nội đồng thôn Tà Gụ	DGT	0,72	Xã Sơn Hiệp
17	Đường từ nhà ông Mạnh đến đất ông Sinh	DGT	0,80	Xã Sơn Hiệp
18	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Mầu Lang đi diêm trường tiểu học thôn Hòn Dung	DGT	0,80	Xã Sơn Hiệp
19	Đường BTXM từ nhà ông Khuyến đến đất ông Cường	DGT	0,72	Xã Sơn Hiệp
20	Đường vào khu sản xuất Hòn Dung xã Sơn Hiệp	DGT	0,45	Xã Sơn Hiệp
21	Kè suối Ty Lay đoạn qua cánh đồng sản xuất mía tím thôn Hòn Dung	DTL	0,15	Xã Sơn Hiệp
22	Nối tiếp đường vào đồng ruộng Xóm Cỏ	DGT	0,23	Xã Sơn Bình
23	Đường từ đất Bo Bo Dương đến ruộng Suối Sóc	DGT	0,51	Xã Sơn Bình
24	Hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Bình	DTL	1,00	Xã Sơn Bình
25	Đường bên kia cầu treo thôn Cam Khánh đi khu sản xuất xã Sơn Lâm	DGT	2,00	Xã Sơn Lâm
26	Mở đường từ tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Apa I	DGT	2,50	Xã Thành Sơn
27	Đường từ nhà ông Mầu Bông đi nội đồng thôn A Thi,	DGT	0,15	Xã Ba Cùm Bắc
28	Đường vào khu nghĩa trang thôn Tha Mang	DGT	0,23	Xã Ba Cùm Bắc
29	Đường BTXM từ nhà ông Mầu Phạt đi khu sản xuất Suối Lau thôn Ka Tô	DGT	2,00	Xã Ba Cùm Nam
30	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Chinh (giai đoạn II)	DGT	0,23	Xã Ba Cùm Nam
III	Nhóm công trình thuộc điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai 2013			
31	Nghĩa trang xã Ba Cùm Nam	NTD	2,00	Xã Ba Cùm Nam
32	Nhà cộng đồng thôn Suối Me	DSH	0,10	Xã Ba Cùm Nam
33	Nhà văn hóa thiếu nhi xã Ba Cùm Nam	DVH	0,24	Xã Ba Cùm Nam

(Chi tiết các văn bản pháp lý có liên quan xem phụ biểu)

3.7.3. Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, dưới 20 ha đất rừng đặc dụng đề nghị HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2018

Bảng 19: Danh mục công trình dự án chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Cộng	Trong đó			Địa điểm
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH		0,76	0,08	0,08			
1	Đường nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến công bản suối Ka rô (giai đoạn 1)	DGT	0,61	0,01	0,01			X. Sơn Trung
2	Kè suối Ty Lay đoạn qua cánh đồng sản xuất mía tím thôn Hòn Dung	DTL	0,15	0,07	0,07			X. Sơn Hiệp

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2019

3.8.1. Cơ sở tính toán

- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất;

- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015, ổn định 05 năm 2015 -2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 31A/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ các loại vật nuôi, cây trồng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn.

- Căn cứ diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong năm 2019 của huyện Khánh Sơn.

3.8.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến công tác quản lý đất đai khi triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 3,706 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 11,924 tỷ đồng.

- Cân đối: âm 7,318 tỷ đồng (các khoản chi vượt khoản thu).

Bảng 19: Dự kiến các khoản Thu- Chi thực hiện triển khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Khánh Sơn

TT	Hạng mục	Ước tính thu chi tài chính về đất đai đến năm 2019		
		Diện tích (ha)	Đơn giá (1000 đ/ha)	Thành tiền (1000 đồng)
A	CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT			4.606.053
I	THU TIỀN GIAO ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH			3.706.053
1	Đất ở tại nông thôn			2.469.236
-	Xã Sơn Trung	4,56		658.500
+	Khu vực bờ kè Tô Hạp - Sơn Trung	4,50	720.000	648.000
+	Các khu vực còn lại	0,05	350.000	10.500
-	Xã Sơn Hiệp	3,18	432.000	1.372.820
-	Xã Sơn Bình	0,71	-	353.580
+	Khu vực mặt đường tỉnh lộ 9	0,28	720.000	204.480
+	Khu vực còn lại	0,43	350.000	149.100
-	Xã Sơn Lâm	0,03	576.000	17.280
-	Xã Thành Sơn	0,16	350.000	44.800
-	Xã Ba Cùm Bắc	0,03	-	14.040
+	Khu vực mặt đường tỉnh lộ 9	0,03	720.000	14.040
-	Xã Ba Cùm Nam	0,05	328.637	8.216
1.2	Đất ở tại thị trấn Tô Hạp	0,43		1.236.817
-	Loại đường số 1			1.102.269
	Vị trí 1	0,10	4.620.000	459.279
	Vị trí 2	0,23	2.772.000	642.990
-	Loại đường số 3			134.548
	Vị trí 1	0,10	1.320.000	134.548
II	THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT			600.000
1.	Tiền sử dụng đất + thuế nhà đất			500.000
2.	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			100.000

TT	Hạng mục	Ước tính thu chi tài chính về đất đai đến năm 2019		
		Diện tích (ha)	Đơn giá (1000 đ/ha)	Thành tiền (1000 đồng)
III	THU PHÍ LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH			300.000
B	CHI PHÍ ĐÈN BÙ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH			11.924.403
1.	Đền bù hoa màu trên đất			6.679.137
-	<i>Cây hàng năm</i>	19,00	80.000	1.519.646
-	<i>Cây lâu năm</i>	30,11	120.000	3.613.363
-	<i>Cây lấy gỗ</i>	9,54	162.000	1.546.128
2.	Đền bù tài sản trên đất (nhà ở, vật kiến trúc...)			117.848
3.	Đền bù thu hồi đất			5.127.418
<i>a</i>	<i>Đất cây hàng năm</i>	19,00		1.215.716
-	<i>Vị trí 1</i>	11,40	80.000	911.787
-	<i>Vị trí 2</i>	7,60	40.000	303.929
<i>b</i>	<i>Đất cây lâu năm</i>	30,11		3.131.581
-	<i>Vị trí 1</i>	18,07	120.000	2.168.018
-	<i>Vị trí 2</i>	12,04	80.000	963.564
<i>c</i>	<i>Đất rừng sản xuất (tính diện tích đất rừng trồng sx)</i>	9,54	20.000	190.880
<i>e</i>	<i>Đất ở đô thị</i>	0,18	780.000	140.400
<i>g</i>	<i>Đất ở nông thôn</i>	1,28	350.000	448.840
C.	CÂN ĐỐI THU - CHI			-7.318.350

IV/ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHSD ĐẤT

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai; trong đó việc tuyên truyền và đẩy mạnh công tác bảo vệ, trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng, đảm bảo độ che phủ thực vật, chống xói mòn rửa trôi đất là rất quan trọng;

- Với đặc thù là huyện miền núi, đa phần đất canh tác đều có độ dốc, do vậy trong quá trình canh tác cần áp dụng các biện pháp canh tác trên đất dốc cho phù hợp, đồng thời chuyển dần diện tích đất trồng cây hàng năm có độ dốc lớn sang trồng cây lâu năm để hạn chế xói mòn, rửa trôi đất;

- Thực hiện tốt công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn và các xã để đưa về nơi tập kết và xử lý theo quy định;

- Hỗ trợ các hộ gia đình xây dựng các công trình phụ đảm bảo vệ sinh môi trường; phát triển chăn nuôi và xây dựng chuồng trại xa khu dân cư, xa nguồn nước để đảm bảo vệ sinh chung.

4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn đến người dân trong huyện.

- Có sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng ban chức năng của huyện trong việc tham mưu đề xuất đầu tư xây dựng công trình và kế hoạch phân bổ nguồn vốn, đặc biệt là sự phối hợp giữa phòng Tài nguyên - Môi trường và phòng Tài chính – Kế hoạch của huyện.

- Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, trong đó cần phải thu hồi cả phần diện tích phần phụ cận để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đồng thời ưu tiên người bị thu hồi đất được giao hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ. Bảo vệ và cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, đồng thời hỗ trợ ngân sách cho địa phương sản xuất lúa, chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ kế hoạch phát triển cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội.

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về đất đai; đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý đất đai; thực hiện nghiêm chỉnh việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Những khu dân cư quy hoạch bố trí xen ghép hoặc cải tạo chỉnh trang thì cho phép nhân dân được phép tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất mà không tiến hành thu hồi đất để nâng cao tính khả thi của phương án kế hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được tốt nhất.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng được phê duyệt để điều tra, lập kế hoạch đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cho số lao động tại các khu vực sẽ bị thu hồi đất, nhằm giúp cho người bị thu hồi đất nhanh chóng tìm được việc làm mới và ổn định cuộc sống.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I/ KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Khánh Sơn được xây dựng trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhu cầu của các xã, thị trấn, đồng thời đối chiếu với kế hoạch phân bổ nguồn vốn năm 2019 để đề xuất thực hiện công trình. Các công trình, dự án trong kế hoạch 2019 đã lựa chọn những công trình, dự án có tính khả thi cao để tính nhu cầu sử dụng đất cho các ngành năm 2019 nên phù hợp với thực tiễn của địa phương trong năm tới. Quá trình xây dựng phương án quy hoạch có sự tham gia của các ngành, các cấp dưới sự chỉ đạo thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện.

Kết quả của kế hoạch sử dụng đất đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo Thông tư 29/2014/TT-BTNMT. Phương án đã xác định được quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành năm 2019 như: nhu cầu đất phát triển giao thông, thủy lợi, đất giáo dục, y tế, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ, phát triển khu đô thị, cụm công nghiệp, khu du lịch,...

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Khánh Sơn sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn đã đề ra cho giai đoạn 2015 - 2020 và phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện.

II/ KIẾN NGHỊ

UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh sớm triển khai thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện để huyện xây dựng các công trình khác có tính kết nối liên vùng nhằm khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên vào phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện có hiệu quả ngày càng cao hơn.

Tăng cường công tác giám sát thực hiện kế hoạch, tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng và hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm để kế hoạch có tính khả thi cao.